

Đồng Nai, ngày 26 tháng 04 năm 2019

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

1. Tờ trình bầu Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu.
2. Báo cáo chương trình Đại hội.
3. Báo cáo Quy chế làm việc của Đại hội.
4. Báo cáo hoạt động SXKD, công tác quản lý của Ban Điều hành năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019.
5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2018 và Phương hướng năm 2019.
6. Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.
7. Báo cáo của Ban Kiểm soát đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2018.
8. Tờ trình phân phối quỹ và cổ tức năm 2018.
9. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019.
10. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
11. Tờ trình về việc từ nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2015-2019).
12. Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát.
13. Thẻ lệ bầu cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát.
14. Tờ trình quyết toán thù lao của Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát năm 2018.
15. Tờ trình thảo luận và biểu quyết thông qua những nội dung đã Báo cáo và xin ý kiến tại Đại Hội.
16. Dự thảo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2019.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



Trịnh Minh Trương

TỔNG CTY CP PHÁT TRIỂN KCN
CTY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Số:01/2019/TTr-ĐHCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v : Giới thiệu Đoàn Chủ Tịch, Ban Thư Ký, Ban Kiểm Phiếu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015;

- Căn cứ Điều lệ Cty Cổ Phần Sơn Đồng Nai sửa đổi, bổ sung ngày 16/08/2018.

- Căn cứ Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐQT của HĐQT Công Ty ngày 16 tháng 04 năm 2019 về việc Thông qua chương trình, kế hoạch tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2019.

Ban tổ chức xin giới thiệu Đoàn Chủ Tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu, tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2019.

I/- Đoàn Chủ tịch: Bao gồm 03 thành viên:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------------|
| 1/- Ông Trịnh Minh Trương | - Chủ Tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội |
| 2/- Ông Hoàng Thuyền | - P. Chủ Tịch HĐQT - Ủy viên |
| 3/- Ông Đào Đình Đề | - Thành viên HĐQT- Ủy viên |

II/- Ban Thư ký: Bao gồm 01 thành viên:

- 1/- Ông Nguyễn Văn Linh

III/- Ban Kiểm phiếu: Bao gồm 03 thành viên:

- | | |
|----------------------------|--------------|
| 1/- Ông Trương Công Đền | - Trưởng ban |
| 2/- Ông Nguyễn Xuân Trường | - Ủy viên |
| 3/- Ông Trịnh Thanh Nghị | - Ủy viên |

Theo Điều lệ Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai, đề nghị Đại hội biểu quyết Danh sách và số lượng Thành viên Đoàn Chủ Tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu.

TM BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Trịnh Minh Trương

Đồng Nai, ngày 26 tháng 04 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Thời gian tổ chức Đại hội : Bắt đầu 8h30'' ngày 26 tháng 04 năm 2019.

Địa điểm tổ chức Đại hội : Trụ sở Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai.

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
7h30 - 8h30	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp Đại biểu và cổ đông- Kiểm tra tư cách cổ đông; phát tài liệu họp; phiếu bầu, phiếu biểu quyết.	Ban Tổ chức
8h30 - 8h45	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông- Khai mạc Đại hội, tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu tham dự.- Giới thiệu tờ trình và bầu Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu.- Lấy ý kiến biểu quyết từng nội dung.	Ban Tổ chức (Ông Trịnh Minh Trường)
8h45 - 9h00	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua chương trình Đại hội- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.	Đoàn Chủ tịch (Ông Hoàng Thuyền)
9h00-9h10	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2018 và Phương hướng 2019.	CT.HĐQT - Tổng Giám đốc (Ông Trịnh Minh Trường)
9h10 - 9h30	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả SXKD, công tác quản lý của Ban Điều hành năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019.	CT.HĐQT - Tổng Giám đốc (Ông Trịnh Minh Trường)
9h30-9h40	<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.	PT. Kế Toán (Bà Huỳnh T.Thanh Hương)

9h40-9h50	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Ban Kiểm soát đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2018. 	Trưởng BKS (Bà Đặng Lê Bích Phượng)
9h50-10h00	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình phân phối quỹ và cổ tức năm 2018. - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019. 	CT.HĐQT – Tổng Giám đốc (Ông Trịnh Minh Trương)
10h00-10h10	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty 	PCT.HĐQT – P.Tổng Giám đốc (Ông Hoàng Thuyền)
10h10-10h20	<ul style="list-style-type: none"> - Giải lao (Hội nghị có phục vụ trà, nước) 	Ban Tổ chức
10h20-10h40	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2015-2019). - Thông qua Quy chế bầu cử đại hội. - Thông qua Thể lệ bầu cử đại hội. - Tiến hành bỏ phiếu bầu cử. - Thông qua kết quả bầu cử. 	Ban tổ chức Đại hội (Ông Trịnh Minh Trương) Ban Bầu cử
10h40-10h50	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình quyết toán thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát năm 2018. 	Thành viên HĐQT (Ông Đào Đình Đê)
10h50-11h20	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thảo luận và biểu quyết thông qua những nội dung đã báo cáo tại Đại Hội. + Thảo luận của cổ đông tại Đại hội về những vấn đề đã báo cáo. + Biểu quyết các nội dung được báo cáo tại Đại hội. 	Đoàn Chủ tịch (Ông Trịnh Minh Trương)
11h20-11h30	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Biên bản của Đại hội. - Thông qua Nghị quyết của Đại Hội - Bế mạc Đại hội 	Đoàn Chủ tịch Ban Tổ chức Ban Thư ký

TM BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI




 Trịnh Minh Trương

Số:01/2019/QC-ĐHCĐ

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2019

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

I. MỤC TIÊU:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện cho công tác tổ chức, tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 được thành công tốt đẹp. Đại hội đưa ra được những quyết nghị đúng đắn đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty.

II. UỶ QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG:

- Cổ đông có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham gia vào các vấn đề của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền được thực hiện các quyền trong phạm vi được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

- Việc cử đại diện và ủy quyền, thay đổi đại diện và người được ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng những quy định sau:

a- Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó và người được ủy quyền, kèm theo giấy tờ cá nhân liên quan;

b- Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó;

c- Mẫu ủy quyền tham dự Đại hội được đăng trên website của Công ty : www.dongnaipaint.com.vn

III. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI:

- 1- Tất cả các cổ đông đến tham dự đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- 2- Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội đã quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
- 3- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội, Ban Tổ chức đã bố trí khu vực riêng để hút thuốc.
- 4- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả máy điện thoại di động đề nghị tắt nguồn hoặc để ở chế độ im lặng.

IV. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI:

1- Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội (trừ các vấn đề được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín) đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và uỷ quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai.

2- Cách biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết (theo thứ tự: đồng ý, không đồng ý, ý kiến khác) một vấn đề bằng cách giơ phiếu biểu quyết.

V. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI:

1- Nguyên tắc:

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu bằng cách giơ phiếu biểu quyết và được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn.

2- Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội. Chủ tọa đoàn sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN:

1- Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ:

1- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý của Đại hội.

2- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:

1- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại đại hội

2- Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.

3- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về kết quả biểu quyết.

T/M BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Trịnh Minh Trương

Số : 01/2019/BC-ĐHCĐ

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018 & KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

I/- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1/- Thuận lợi:

- Hoạt động của Doanh nghiệp được sự quan tâm, chỉ đạo của HĐQT Tổng Công ty CP Phát Triển KCN, sự hỗ trợ và giúp đỡ của các Công ty Thành viên trong việc sử dụng các loại sản phẩm Sơn Đồng Nai.

- Sản phẩm Sơn Đồng Nai - Thương hiệu DONASA đã đáp ứng được nhu cầu chất lượng ngày càng cao của các công trình, thuộc mọi đối tượng khách hàng nên ngày càng có chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

- CB- CNV trên từng vị trí công tác làm việc, sản xuất với tinh thần trách nhiệm cao. Các tổ chức, đoàn thể trong Công ty hoạt động, thực hiện đúng chức năng - nhiệm vụ, góp phần quan trọng vào kết quả SXKD của Công ty trong năm 2018.

2/- Khó khăn:

- Trong năm 2018, thị trường ngành sơn cạnh tranh gay gắt- Những Tập đoàn hàng đầu thế giới như ANC, PPG, Jotun tình hình tiêu thụ giải quyết đầu ra cũng gặp rất nhiều khó khăn.

- Sản xuất của Công ty trong năm 2018 cũng trong tình trạng chung của ngành sản xuất Sơn- Gặp rất nhiều khó khăn trong tiêu thụ nên sản lượng sản phẩm có giảm so với Kế hoạch xây dựng.

- Khách hàng sử dụng Sơn trong hiện nay có quá nhiều lựa chọn, trong khi đó các Hãng dẫn đầu có lợi thế cạnh tranh về Thương hiệu, Công nghệ, Vật tư đầu vào được mua theo giá chung của Tập đoàn- Thấp hơn giá cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ như Cty chúng ta phải mua trên thị trường nên cạnh tranh rất khó khăn.

III/- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018:

1/- Các chỉ tiêu kinh tế đã thực hiện:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	KẾT QUẢ 2017	KẾT QUẢ 2018	TH/KH (%)	TH/N T (%)
1	Giá trị tổng sản lượng	Triệu	336.055	454.847	455.636	136	100
2	Doanh thu thuần	Triệu	142.000	153.036	154.188	109	101
3	Sản lượng	Tấn	15.460	17.393	16.791	109	97
4	Lợi nhuận (trước thuế)	Triệu	7.500	8.628	9.507	127	110
5	Nộp ngân sách (phải nộp)	Triệu	11.000	9.880	11.041	100	112
6	Thu nhập bq/người/tháng	Triệu	8,5	8,9	8,3		

2/- Kết quả hoạt động đầu tư:

2.1/- Đầu tư máy móc thiết bị, XDCB: Trong năm 2018 đã đầu tư một số máy móc, thiết bị để phục vụ cho sản xuất:

Trong đó: - Máy chung cất dung môi : 1.000.000.000 đồng

- Máy đo độ nhớt : 75.000.000 đồng

Tổng giá trị đầu tư : 1.075.000.000 đồng

2.2/- Đầu tư tài chính : Vốn góp đầu tư: 5.019.000.000 đồng

Trong đó:- Cty CP Sonadezi Châu Đức: 4.200.000.000 đồng - 420.000CP

- Cty CP Đầu tư Nhơn Trạch: 819.000.000 đồng - 81.900CP

III/- HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA BGD:

1/- Khái quát chung về tình hình Công ty:

- Công ty tập trung thực hiện 3 mục tiêu: Xây dựng Văn Hóa Doanh Nghiệp; Cam kết Năng Suất Chất Lượng, Kỷ cương Kỷ luật, Chế độ trách nhiệm; Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp. Tình hình Công ty có nhiều chuyển biến tích cực về VĂN HÓA KINH DOANH, VỀ NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM VÀ CHUẨN MỰC QUẢN TRỊ.

- Tình hình An ninh Chính trị, Trật tự trong và ngoài công ty được đảm bảo; Các hoạt động về: AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ, BẢO VỆ SỨC KHỎE, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG được duy trì thực hiện- Đây là những tiền đề căn bản giúp cho hoạt động Sản xuất Kinh doanh và các hoạt động khác của Cty luôn được AN TOÀN và HIỆU QUẢ.

2/- Điều hành Sản xuất- Kinh doanh- Bán hàng:

2.1/- Tổ chức sản xuất:

- Công ty hiện có 5 Phân xưởng sản xuất ở cả miền Bắc và miền Nam- Do bố trí lao động hợp lý, đáp ứng các yêu cầu cho sản xuất tăng ca, chông ca và đi 2 ca ở cả 3 khu vực, thông qua đó đã đáp ứng kịp thời tiến độ và thời gian giao hàng theo yêu cầu của Đối tác và Khách hàng.

- Năm 2018 đạt sản lượng 16.791 tấn sản phẩm các loại, đây là nỗ lực rất lớn của CB- CNV tại khu vực sản xuất ở cả 5 Phân xưởng, trong đó đáng chú ý là Phân xưởng sơn 1,2,3, bộ phận SX bột trét Phân xưởng 5, trong đó có sự phối hợp nhịp nhàng của Điều độ sản xuất P. Kinh doanh và hoạt động QC các Phòng Kỹ thuật.

- Tại các Phân xưởng đã có nhiều biện pháp tận dụng công suất của máy móc thiết bị, bố trí lao động hợp lý nên đã đảm bảo tiến độ sản xuất và giao hàng. Thái độ làm việc chăm chỉ, tích cực tăng ca, đi ca 2 của CB – CNV các Phân xưởng, các Phòng Kỹ thuật cũng là nguyên nhân đã đóng góp vào kết quả trên, đặc biệt là sản phẩm không có những khiêu nại lớn.

2.2/- Kinh doanh - Bán hàng:

- Hình ảnh, thương hiệu của Công ty ngày càng được mở rộng, thông qua các chương trình Quảng bá thương hiệu sản phẩm, củng cố và phát triển thêm hệ thống phân phối.

- Trong năm 2018, Công ty tiếp tục duy trì 3 bảng quảng cáo trên các giao lộ quan trọng đồng thời đã TRÌNH chiếu phim quảng cáo, phim tự giới thiệu về SƠN ĐỒNG NAI trên các Đài truyền hình Trung ương và Địa phương.

- Sản phẩm SƠN ĐỒNG NAI - DONASA hiện nay đang tiêu thụ ở 55. đại lý, 200 cửa hàng thuộc hệ thống phân phối cấp 2 thuộc các Đại lý trong phạm vi 47 tỉnh, thành. Sản phẩm của Công ty đang tiêu thụ tiêu thụ ở 72 Công ty trên phạm vi cả nước.

- Đã tổ chức thành công Hội nghị khách hàng tại Ý và Pháp từ ngày 13-20/3/2018 và tại Trung Quốc từ ngày 23-29/03/2018. Thông qua Chương trình, Công ty đã tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với Hệ thống các Cửa hàng, Đại lý và Khách hàng. Đồng thời giúp khách hàng đánh giá cao về năng lực của Sơn Đồng Nai so với các Doanh nghiệp cùng ngành, nghề trên thị trường hiện nay.

- Trong năm để gia tăng tiêu thụ Cty đã triển khai: 3 chương trình khuyến mại dành cho Khách hàng Hệ thống phân phối, Khách hàng Công ty; Chương trình khuyến mại hướng đến người tiêu dùng thông qua tặng Card điện thoại; Chương trình hướng đến Nhà thầu.vv. Đặc biệt đây là lần thứ 5 Cty đã triển khai được chương trình khuyến mãi thưởng đi du lịch nước ngoài và năm nay là Vương Quốc Anh , Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất và Campuchia – Kết quả đã có 120 khách hàng đủ điều kiện tham dự HỘI NGHỊ KHÁCH HÀNG Ở NƯỚC NGOÀI

- Trong hoạt động bán hàng thu tiền: Tình trạng chậm trong thanh toán từ người mua còn xảy ra nhỏ lẻ ở 1 số khách hàng-Tuy nhiên, đánh giá chung các khoản nợ mới phát sinh được kiểm soát chặt chẽ.

3/- Những Công tác đảm bảo cho Sản xuất Kinh doanh:

3.1/- Công tác Kỹ thuật- Giám sát sản xuất.

- Sản phẩm của Cty: Được duy trì, quản lý bởi Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Được chứng nhận Hợp quy QCVN 16:2014/BXD của Bộ Xây dựng và được chứng nhận Hợp chuẩn JIS K 5663:1995 của Nhật Bản.

- Công tác nghiên cứu phát triển Sản phẩm mới và ổn định chất lượng sản phẩm mang thương hiệu DONASA luôn được chú trọng, quan tâm. Trong điều kiện cạnh tranh với các hãng sơn dẫn đầu thị trường, sản lượng trong năm 2018 đạt 6.723 tấn các loại – Sản phẩm được khách hàng tin tưởng sử dụng và không có khiếu nại lớn về chất lượng.

- Công tác giám sát chất lượng sản phẩm đối với tất cả các dòng sản phẩm tại khu vực Hợp tác theo đúng chuẩn mực kỹ thuật của Đối tác. Sản lượng trong năm đạt 10.068 tấn - Sản phẩm giao cho đối tác không có khiếu nại lớn liên quan đến Nhà sản xuất gia công là Sơn Đồng Nai.

3.2 /- Công tác Kế toán - Thống kê:

- Đảm bảo nguồn tài chính trong thanh toán nội bộ cũng như trong giao dịch với các đối tác nước ngoài. Tình hình kiểm soát đối với các khoản nợ khó đòi từ năm 2012 trở lại đây không có phát sinh lớn.

- Chức năng Kế toán tài chính, kế toán quản trị được thực hiện hiệu quả. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh, mọi hoạt động chi tiêu đảm bảo đúng nguyên tắc, không bị xuất toán.

- Trong xử lý, phân tích, tổng hợp các số liệu kinh doanh luôn kịp thời. Số liệu tháng, quý đều phản ánh kịp thời từ ngày 02 - 12 hàng tháng. Qua đó đã giúp cho Ban Điều hành đưa ra các chính sách, kế hoạch hợp lý.

- Từ kết quả Kiểm toán bán kỳ, cả năm cùng với hoạt động Giám sát của Ban Kiểm soát. Công tác Kế toán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về Kế toán Tài chính và Quy chế tài chính của Công ty, các khoản nợ xấu từ nhiệm kỳ III- trước năm 2012 và đang phát sinh luôn trong tình trạng được kiểm soát.

3.3/- Công tác Cơ Điện - XD/CB:

- Hoạt động Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hiệu quả - Hạn chế sự cố hỏng hóc- Các yêu cầu Kỹ thuật An Toàn về Điện tại Cty, AMATA và Chi nhánh Bắc Ninh được kiểm soát chặt chẽ.

- Tất cả những sự cố liên quan đến hệ thống điện, máy móc, các sự cố trong vận hành thiết bị đều được đưa ra hành động khắc phục, phòng ngừa. Trong năm 2018, đã giảm thiểu được những sự cố hư hỏng máy móc nằm chờ sản xuất.

3.4/- Công tác Tổ chức - Hành chính- Nhân sự.

- Tình hình xây dựng, phát triển đào tạo nguồn nhân lực được chú trọng, hoạt động đào tạo tại chỗ được quan tâm duy trì. Đã bố trí lao động hợp lý, đáp ứng các yêu cầu cho sản xuất và công tác chuyên môn của toàn Công ty.

- Đã tham mưu và giúp việc đắc lực cho BGD trong việc tuân thủ các quy định pháp luật, công tác bảo vệ môi trường, công tác thi đua khen thưởng, Đảng - Đoàn, các công việc của HĐQT- BGD.

- Đã tổ chức chăm lo đời sống cho CB-CNV được chu đáo, an toàn. Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động về tiền lương thu nhập, thời giờ làm việc nghỉ ngơi, bảo hiểm...theo đúng quy định pháp luật về quan hệ lao động.

- Trong năm 2018, Công ty TNHH Akzo Nobel (Hà Lan) thông báo Thu hẹp sản xuất- Sản lượng của năm 2019 chỉ còn 450.000 lít/năm (bằng 10% so với sản lượng sản xuất 2018). Công ty đã phải xây dựng Phương án thu hẹp sản xuất và sử dụng lao động, đã phải cắt giảm và giải quyết đơn xin nghỉ việc 21/211 lao động. Tuy nhiên thế, vẫn đáp ứng yêu cầu sản xuất tại các khu vực.

4/- Tình hình hoạt động tại Chi nhánh Bắc Ninh:

- Chi nhánh hoạt động ở xa Công ty, bộ máy nhân sự mỏng nhưng bằng các biện pháp quản lý giám sát của Ban Điều Hành và bằng tinh thần trách nhiệm, tự quản lý của CB- CNV Chi nhánh trong tổ chức công việc, quan hệ phối hợp nên mọi hoạt động của Chi nhánh trong SX, quan hệ với Đối tác, Chính quyền địa phương tốt.

- Sản lượng năm 2018 đạt 918 tấn sản phẩm Sơn Cao cấp có công dụng đặc biệt đạt 120% so với cùng kỳ năm trước-Tuy còn khiêm tốn nhưng chúng ta đã làm chủ được công nghệ sản xuất sơn tiên tiến, đáp ứng được cho những khách hàng có yêu cầu cực kỳ cao như HONDA, PIAGGIO và SAMSUNG, VINPAST.

- Việc duy trì những yêu cầu về giữ gìn ANCTTTAT, ATVSLĐ, PCCN, BVMT, BVSK, Quan hệ với chính quyền địa phương và các yêu cầu hoạt động khác của một Nhà máy đứng chân trên địa bàn đã được thực hiện rất tốt.

5/- Chăm lo điều kiện làm việc, đời sống người LĐ:

- Quan hệ lao động tại Cty hài hòa, dân chủ công khai và đảm bảo công bằng giữa đóng góp và thụ hưởng. Môi trường làm việc tại Công ty luôn luôn được cải thiện để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Đời sống của CB-CNV trong năm qua được đảm bảo: Có việc làm ổn định, tiền lương thu nhập đảm bảo. Các hoạt động văn hóa thể thao, du lịch, tặng quà cho con em CB-CNV nhân dịp trung thu, khai giảng năm học, kết thúc năm học được tổ chức thực hiện tốt.

- Tất cả những chính sách đối với người lao động về làm việc nghỉ ngơi, trang bị phương tiện phòng hộ cá nhân, các chế độ bảo hiểm, độc hại, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp...được thực hiện theo đúng quy định pháp luật và trên nguyên tắc theo hướng có lợi cho người lao động.

- Trong năm 2018, đã tổ chức cho 11 CNV có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất đi Singapore - Malaysia từ ngày 22-27/6. Thông qua những chuyến đi này giúp anh em học hỏi, tìm kiếm kinh nghiệm về môi trường sống, sinh hoạt để về làm việc tốt hơn.

6/- Hoạt động của Đoàn thể, Ban, Tổ, Hội đồng bán chuyên trách:

- Công ty có Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng tiền lương, Hội đồng thi đua khen thưởng-kỷ luật, Hội đồng sáng kiến, Hội đồng hoà giải, Ban ISO, Ban bảo vệ môi trường, Tổ đánh giá 5S, Tổ Phòng cháy chữa cháy, Tổ Mạng lưới an toàn vệ sinh viên, Tổ bảo vệ môi trường viên...vv.

- Trong năm 2018, những Tổ chức, đoàn thể trên đã được thường xuyên kiện toàn và hoạt động có kết quả, thông qua đó đã góp phần cho hoạt động của Công ty dần đi vào nề nếp, đáp ứng cho những mục đích yêu cầu về tổ chức của doanh nghiệp.

- Công ty cũng đã tạo điều kiện cho các đoàn thể chính trị: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Chi hội CCB, Chi Bộ đảng phát huy đúng chức năng nhiệm vụ, cũng như phát huy vai trò lãnh đạo. Tất cả các Đoàn thể của Cty trong năm 2018 đều đạt Trong sạch Vững mạnh và Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

7/- Công tác ATVSLĐ, PCCN, BVMT, BVSK:

- Đã phối hợp với cơ quan ban ngành để tổ chức thực hiện huấn luyện, tuyên truyền và diễn tập Phương án chữa cháy và CNCH hằng năm tại Sơn Đồng Nai, AMATA, Bắc Ninh.

- Đơn vị đã chủ động xây dựng các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, nguy cơ tại nơi làm việc tuyệt đối không để xảy ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho toàn thể CBCNV - Kết quả khám sức khỏe định kỳ, phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong toàn Công ty đảm bảo cho sản xuất, làm việc.

- Công tác Bảo vệ môi trường được thực hiện tốt, các hoạt động Giám sát môi trường, Đo kiểm môi trường lao động ở cả 3 khu vực Sơn Đồng Nai, Amata và Bắc Ninh- Các Nhà máy luôn SẠCH- XANH và được duy trì 5S.

- Đã tiến hành Giám sát chất lượng môi trường; đo kiểm quan trắc môi trường lao động tại 3 khu vực Sơn Đồng Nai, Amata và Bắc Ninh nhằm đảm bảo các điều kiện về ATLĐ, VSMT theo đúng quy định Nhà nước.

8/- Công tác thi đua khen thưởng, hoạt động công đồng:

8.1/- Công tác Thi đua - Khen thưởng:

- Trong năm qua chúng ta tiếp tục duy trì hai đợt thi đua từ 01/03 - 01/05 để chào mừng kỷ niệm ngày thành lập Cty và 2 ngày lễ lớn 30/4, 01/5 và tuần lễ thi

đưa từ 15/8-15/10 để chào mừng kỷ niệm 73 năm ngày Quốc khánh; 31 năm ngày thành lập nhà máy Sơn Đồng Nai.

- Hoạt động thi đua thiết thực gắn với SXKD, không hình thức đối phó thông qua đó đã động viên kịp thời người lao động. Việc tổ chức hàng năm hai tuần lễ thi đua, không chỉ mang lại ý nghĩa kinh tế, vật chất mà nâng cao nhận thức giác ngộ cho Công nhân lao động và đã trở thành VĂN HÓA SƠN ĐỒNG NAI.

- Nội dung Thi đua ngoài gắn với SXKD, có tổ chức thi viết Tìm hiểu về An toàn trong sử dụng, sản xuất kinh doanh, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm và tổ chức Thi trắc nghiệm tìm hiểu về Nội quy Công ty, PCCN, ATVSLĐ, An toàn hóa chất.

8.2/- Hoạt động tri ân, hướng đến cộng đồng:

- Công ty cũng đang nhận phụng dưỡng 4 gia đình liệt sĩ, trong đó có 2 gia đình là BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG. Với tinh thần trách nhiệm, chia sẻ cộng đồng- xã hội trong năm qua Công ty đã tham gia đóng góp: Ủng hộ bà con nghèo đón tết; Nộp "Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Đồng Nai"; Ủng hộ Quỹ nạn nhân chất độc da cam/dioxin Tỉnh Đồng Nai; Chi ủng hộ Hội người mùvới số tiền: 106.070.000 đồng.

PHẦN II: KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SX-KD NĂM 2019

I/- MỤC TIÊU CHUNG NĂM 2019:

1/- Phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông với mục tiêu: Đạt và vượt các chỉ tiêu kinh tế năm 2019 theo như Kế hoạch Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp-SONADEZI giao cho Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai.

2/- Lãnh đạo CB-CNV thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để không ngừng cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống của người lao động trong doanh nghiệp. Trong đó: PHÁT TRIỂN VỐN NHÀ NƯỚC, VỐN NHÀ ĐẦU TƯ VÀ HIỆU SUẤT CỐ TỨC.

3/- Thực hiện có trách nhiệm trong Hợp đồng hợp tác sản xuất với các Tập Đoàn AkzoNobel để sản xuất sơn tàu biển, giàn khoan dầu khí, sơn gia dụng, Tập Đoàn PPG sản xuất sơn công nghiệp có công dụng đặc biệt nhằm tận dụng hiệu quả kinh tế từ khu vực này.

II/- THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:

1/- Các chỉ tiêu kinh tế thực hiện:

- Giá trị tổng sản lượng	: 252.061 triệu đồng
- Doanh thu	: 132.000 triệu đồng
- Nộp ngân sách	: 9.000 triệu đồng
- Lợi nhuận (trước thuế)	: 6.800 triệu đồng



- Tiền lương thu nhập b/q : 8,1 triệu đồng
- Cổ tức dự kiến chia : 15%/ giá trị mệnh giá cổ phiếu.
- Tổng sản lượng : 12.700 tấn

2/- Trích lập các quỹ: đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành:

STT	Nội dung	%KH	Số tiền (đ)
I	Vốn điều lệ		15.182.180.000
II	Kết quả kinh doanh năm 2019		
1	Lợi nhuận trước thuế		6.800.000.000
2	LN sau thuế (thuế TNDN 20%)		5.440.000,000
III	Tổng trích các quỹ		1.795.200.000
1	Quỹ đầu tư phát triển	15%	816.000.000
2	Quỹ khen thưởng	8%	435.200.000
3	Quỹ phúc lợi	5%	272.000.000
4	Quỹ xã hội-Cộng đồng	2%	108.800.000
5	Thưởng Ban quản lý điều hành (Trong đó: 2% BDH, 1% Người lao động).	3%	163.200.000
IV	Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ		3.644.800.000
V	Lợi nhuận còn lại của năm 2018 chuyển sang		2.958.553.418
VI	Tổng lợi nhuận còn lại		6.603.353.418
VII	Cổ tức	15%	2.277.327.000
VIII	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2020		4.326.026.418

Đề nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông chi thưởng cho HĐQT và BKS 5% trên lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch và trích từ lợi nhuận sau thuế.

3/- Kế hoạch đầu tư năm 2019:

3.1/- Đầu tư máy móc thiết bị, XDCB: 2.500 triệu.

Trong đó: - Máy móc, thiết bị: 1.800.000.000 đồng.

- Xây dựng cơ bản: 700.000.000 đồng

2.2/- Đầu tư tài chính : Vốn góp đầu tư: 5.019.000.000 đồng

Trong đó:-Cty CP Sonadezi Châu Đức: 4.200.000.000đồng 420.000CP

- Cty CP Đầu tư Nhơn Trạch: 819.000.000 đồng. - 81.900CP

III/- HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA BGD:

1/- Mục tiêu QUẢN LÝ của BGD Điều hành:

- Tập trung các nguồn lực để phát triển nâng cao giá trị THƯƠNG HIỆU thông qua tiếp tục XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ.

- Chú trọng công tác nghiên cứu phát triển để nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hóa tiện ích của sản phẩm; đồng thời tạo ra những dòng sản phẩm mới đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Sản xuất phải AN TOÀN- Ban Điều hành sẽ lãnh đạo toàn thể CB-CVN phải tăng cường các công cụ quản lý giám sát để giữ vững ANCT&TTAT. Trong đó duy trì thực hiện đúng các Quy định về An toàn- Vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ, Bảo vệ sức khỏe, Bảo vệ môi trường.

2/- Điều hành Sản xuất - Kinh doanh:

2.1/- Tổ chức Sản xuất:

- Sản xuất theo yêu cầu của KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC, đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiến độ và thời gian giao hàng. Không để có những nhầm lẫn, sai sót dẫn đến hư hại sản phẩm trong quá trình sản xuất.

- Quản lý nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện được sạch sẽ, ngăn nắp. Thực hiện đúng các yêu cầu về bảo hộ lao động, về an toàn cháy nổ, bảo vệ môi trường, tuyệt đối không để tai nạn lao động xảy ra tại Công ty.

2.2/- Kinh doanh - Bán hàng:

- Tiếp tục củng cố và mở rộng hệ thống phân phối và hộ tiêu thụ. Trong đó chú trọng củng cố giữ chân khách hàng các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam bộ.

- Kiểm soát đầu vào thực hành tiết kiệm, đặc biệt phải liên tục sàng lọc, lựa chọn ổn định được 3 nhà cung cấp đối với những vật tư chiến lược, không để thiếu vật tư cho sản xuất.

- Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu SƠN ĐỒNG NAI - DONASA. Trong đó cần có những điều chỉnh hợp lý giữa từng phân kỳ trong chính sách bán hàng, khuyến mại, đảm bảo hài hòa giữa NHÀ SẢN XUẤT, NGƯỜI BÁN HÀNG VÀ HỘ TIÊU THỤ. .

3/- Những công tác đảm bảo cho SX-KD:

3.1/- Công tác kỹ thuật:

- Trên cơ sở nền tảng và kinh nghiệm sẵn có, tập trung nghiên cứu để ổn định chất lượng sản phẩm Sơn Đồng Nai. Tiếp tục ổn định chất lượng sơn CHÓNG HÀ, SƠN TÀU BIỂN, SƠN CHÓNG CHÁY.

- Đẩy mạnh hoạt động của Ban Nghiên Cứu Phát Triển để công tác nghiên cứu phát triển đi vào hoạt động chuyên sâu thiết thực, thật sự TẠO RA ĐỘT PHÁ về nghiên cứu sản phẩm mới và dự báo về thị trường. Trong đó tập trung phát triển các dòng sản phẩm SƠN CÔNG NGHIỆP.

- Đối với hoạt động QC- Giám sát chất lượng sản phẩm theo chức năng, phạm vi quản lý. Hạn chế thấp nhất tình trạng sai sót- Kiên quyết không để lọt sản phẩm không đạt chất lượng đến khách hàng của Công ty và 2 Đối tác.

3.2/- Công tác Kế toán -Thống kê:

- Thực hiện đúng chức năng Kế toán tài chính và Quy chế tài chính của Công ty để mọi nghiệp vụ kế toán phát sinh, mọi hoạt động chi tiêu đảm bảo đúng nguyên tắc, không bị xuất toán.

- Phát huy vai trò vị trí của chức năng Kế toán quản trị để giảm những chi phí trong hoạt động giao dịch, đặc biệt là giảm chi phí lãi vay ngân hàng; Phối hợp với kinh doanh thu hồi nợ xấu, kiểm soát nợ phát sinh.

- Thực hiện tốt công tác thống kê, phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh giữa các khu vực NỘI ĐỊA VÀ HỢP TÁC, trong đó chú ý đến công tác dự báo, nguy cơ và triển vọng, để lãnh đạo có những quyết sách kịp thời.

3.3/- Công tác CĐ-XDCB:

- Kiểm soát chặt chẽ các quy định an toàn về Điện: Tham mưu và đề xuất các biện pháp quản lý An Toàn về Điện tại 3 nhà máy- Kiên quyết loại trừ được các nguy cơ sự cố về điện.

- Công tác Bảo trì, bảo dưỡng phải đi vào thiết thực- Hạn chế sự cố hỏng hóc. Khi có sự cố phải báo cáo và đưa ra biện pháp khắc phục, không để các Phân xưởng chờ máy.

- Tất cả những sự cố liên quan đến Hệ thống Điện, máy móc, sự cố mất an toàn liên quan đến thao tác vận hành thiết bị đều phải lập biên bản, đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa.

3.4/- Công tác Tổ chức - Hành chính:

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trong và ngoài Công ty. Duy trì nội quy Công ty, các quy định về an toàn, chú trọng việc kiểm tra giám sát, để xây dựng môi trường làm việc kỷ cương, kỷ luật và an toàn.

- Thực hiện tốt chức năng, công tác chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên công ty. Giúp cho hoạt động đời sống, văn hóa tinh thần tại Công ty được quan tâm cải thiện hợp lý.

- Phối hợp chặt chẽ với BCH Công đoàn, Thường trực Hội đồng BHLĐ thực hiện công tác Kiểm tra, đánh giá những hoạt động liên quan đến: thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, ATVSLĐ, PCCN, BVSK, BVMT...vv.

- Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng. Đặc biệt chú ý đến hình thức khen thưởng đột xuất để động viên kịp thời những cá nhân, tập thể làm việc chấp hành tốt.

- Chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực, trong đó có đào tạo tại chỗ. Tham mưu giúp việc có hiệu quả đối với các hoạt động công tác Đảng-Đoàn, công việc của HDQT- BGD và những yêu cầu khác của Tổng Công ty.

4/- Hoạt động của Chi nhánh Bắc Ninh:

- Chi nhánh hoạt động xa Công ty, đây là thách thức khó khăn cho cả Công ty và CB- CNV ở Chi nhánh. Yêu cầu đặt ra phải nêu cao tinh thần trách nhiệm chủ động trong công việc của CB- CNV CHI NHÁNH.

- Sản phẩm sản xuất cung cấp cho các tập đoàn Đa quốc gia là Honda, Piaggio, sơn Coil cho FUJITON, SAMSUNG. Kiên quyết không để tình trạng sản phẩm không đảm bảo chất lượng đến với khách hàng.

- Quản lý Nhà máy, máy móc thiết bị, phương tiện được sạch sẽ, ngăn nắp. Thực hiện đúng các yêu cầu về bảo hộ lao động, an toàn về cháy nổ, bảo vệ môi trường, không để tai nạn lao động xảy ra.

- Quan hệ tốt với các cơ quan ban ngành địa phương tại Bắc Ninh để mọi hoạt động SXKD của nhà máy diễn ra THUẬN LỢI.

5/- Chăm lo điều kiện làm việc cho người lao động:

- Quán triệt cho 100% CB-CNV nhận thức đầy đủ về Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể nhằm nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong Công ty, đặc biệt là phải hài hòa trong quan hệ lao động.

- Chú trọng đến điều kiện làm việc đặc biệt quan tâm đến hoạt động cải thiện và trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân để đảm bảo cho người lao động được làm việc trong môi trường vệ sinh và an toàn.

- Đảm bảo có việc làm ổn định cả năm để ổn định tiền lương thu nhập cho người lao động. Trong đó thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo hướng có lợi cho người lao động.

- Tiếp tục duy trì những quan tâm đến khen thưởng du lịch cho CNV; Khen thưởng động viên thành tích học tập của con em CB- CNV trong dịp khai giảng năm học mới, kết thúc năm học và những dịp lễ tết.

6/- Công tác thi đua khen thưởng, hoạt động cộng đồng:

6.1/- Công tác Thi đua - Khen thưởng:

- Tích cực tham gia các phong trào thi đua do Tổng Công ty CP Phát triển KCN phát động. Hoạt động thi đua tại Cty phải làm chuyên biến trong nhận thức, thành nếp nghĩ của người lao động và mang lại lợi ích kinh tế.

- Tiếp tục duy trì các tháng thi đua Kỷ niệm ngày 30/4, 01/5, 7/5 và ngày 01/03 thành lập Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai; Kỷ niệm ngày Quốc Khánh 02/09 và Kỷ niệm ngày Thành lập Nhà Máy Sơn Đồng Nai ngày 23/10.

6.2/- Hoạt động hướng đến cộng đồng:

- Tiếp tục hưởng ứng những hoạt động hướng đến Cộng đồng do Tổng Công ty phát động; Tiếp tục phụng dưỡng 4 gia đình liệt sĩ.

- Tiếp tục hưởng ứng cuộc vận động đóng góp: Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ nạn nhân chất độc da cam và các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ khác khi có yêu cầu của xã hội.

IV/- BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1/- Hội đồng quản trị sẽ sâu sát trong chỉ đạo để Ban Giám Đốc Điều Hành thực hiện có kết quả Nghị quyết Đại hội thường niên và Nghị quyết lãnh đạo từng quý của Hội đồng Quản trị.

2/- Ban Giám Đốc điều hành sẽ chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, chịu sự giám sát và khuyến cáo của Ban Kiểm soát để thực hiện có kết quả, nghị quyết lãnh đạo hàng quý của Hội đồng Quản trị

3/- Ban Giám Đốc sẽ tiếp tục thực hiện 3 mục tiêu: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp - Nêu cao Kỷ cương, kỷ luật - Trách nhiệm vật chất - Nâng cao Năng suất - Chất lượng và Nâng cao chất lượng Quản trị để Công ty phát triển bền vững và hoàn thành nhiệm vụ SX-KD năm 2019.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Kính thưa Quý vị Đại biểu

Kính thưa Quý vị Cổ đông

- Năm 2018 đã đi qua, năm 2019 phía trước chúng ta có thuận lợi từ nền tảng căn bản của năm 2018 nhưng sẽ có rất nhiều khó khăn trong môi trường Sản xuất, Kinh doanh đầy thách thức và khốc liệt hiện nay.

- Để thực hiện tốt kế hoạch SX-KD năm 2019, HĐQT, Ban Điều hành Công Ty mong muốn: Sự đoàn kết nhất trí cao của Quý vị cổ đông; tập thể CB-CNV; Tinh thần cộng đồng trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể trong Công Ty; Sự hỗ trợ của Tổng Công Ty PT KCN; Đặc biệt là sự chia sẻ, góp ý, hỗ trợ của Quý Cổ đông Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai.

- Hội Đồng Quản Trị - Ban Giám Đốc và toàn thể CB-CNV Công Ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai sẽ nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt Kế hoạch Sản xuất Kinh danh 2019.

Chúc Quý vị đại biểu - Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt; Chúc Đại hội của chúng ta thành công tốt đẹp!.

Xin trân trọng cảm ơn !

TM. CTY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
QT. HĐQT-TỔNG GIÁM ĐỐC



Trình Minh Trương

Số: 01/2019/BC-ĐHCĐ

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I/- ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018:

1/- Tổ chức, Hoạt động của HĐQT Cty:

- Hội đồng Quản trị bao gồm 5 thành viên, trong đó có 2 thành viên trực tiếp điều hành Công ty.

- Các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực hỗ trợ Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong chỉ đạo hoạt động và giám sát hoạt động SX-KD.

- Hội đồng Quản trị Công ty làm việc theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ - HĐQT làm việc theo chế độ quý một lần họp và ban hành các quyết định.

- Trong năm, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 5 phiên họp để đánh giá kết quả sản xuất, kinh doanh, chỉ đạo và định hướng mọi hoạt động sản xuất, đầu tư và quyết định các mặt công tác khác của Công ty.

2/- Khái quát kết quả lãnh đạo SXKD:

Hội đồng quản trị Công ty đã đoàn kết nhất trí cao trong tổ chức, chỉ đạo sâu sát mọi hoạt động của Công ty và thể hiện trách nhiệm đối với cổ đông- Các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2018, cụ thể như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	KẾT QUẢ 2017	KẾT QUẢ 2018	TH/KH (%)	TH/N T (%)
1	Giá trị tổng sản lượng	Triệu	336.055	454.847	455.636	136	100
2	Doanh thu thuần	Triệu	142.000	153.036	154.188	109	101
3	Sản lượng	Tấn	15.460	17.393	16.791	109	97
4	Lợi nhuận (trước thuế)	Triệu	7.500	8.628	9.507	127	110
5	Nộp ngân sách (phải nộp)	Triệu	11.000	9.880	11.041	100	112
6	Thu nhập bq/người/tháng	Triệu	8,5	8,9	8,3		

3/- Những Quyết nghị và Quyết định của HĐQT:

- **Kỳ họp thứ nhất:** Thông qua Kết quả Sản xuất Kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh năm 2018- Tại kỳ họp HĐQT- BKS quyết định:

+ Thống nhất về nguyên tắc công tác chuẩn bị cho tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

+ Chấp thuận Tờ trình của Ban Giám Đốc điều hành về Kế hoạch xây dựng định mức đơn giá tiền lương năm 2018.

+ Chấp thuận Chương trình, kế hoạch tổ chức Hội nghị khách hàng năm 2018 (thường cho khách hàng có thành tích trong tiêu thụ theo chương trình khuyến mại 2017) tại Châu Âu, Trung Quốc và Việt Nam.

- Kỳ họp thứ hai: - Tại kỳ họp HĐQT- BKS quyết định:

+ Thống nhất Nội dung chương trình và thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.

+ Chấp thuận tờ trình về: Kế hoạch di dời nhà máy theo chủ trương giải tỏa Khu công nghiệp Biên Hòa 1- Trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Kỳ họp thứ ba: Thông qua kết quả SXKD 3 tháng và các mặt công tác khác của quý I/2018; Triển khai Kế hoạch SXKD quý II năm 2018.

+ Thống nhất gia hạn 2 bảng quảng cáo tại Ngã ba Nhơn Trạch và Vĩnh Long
- Mức kinh phí cho 2 bảng quảng cáo trên dự kiến 1.270.000.000 đồng/năm.

+ Chấp thuận chủ trương xem xét đầu tư dây truyền công nghệ để sản xuất sơn tĩnh điện và đầu tư thiết bị chung cất, tái sử dụng dung môi vệ sinh.

+ Chấp thuận cử đoàn Công nhân viên đi công tác để học tập kinh nghiệm tại Singapore và Malaysia. Mức kinh phí dự toán: 210.000.000 đồng.

+ Chấp thuận cử đoàn Cán bộ đi công tác để học tập kinh nghiệm tại Ý và Pháp. Mức kinh phí dự toán: 200.000.000 đồng.

+ Chấp thuận việc tổ chức Lễ họp mặt truyền thống Ngành Công Nghiệp Đồng Nai năm 2018. Mức kinh phí dự toán: 80.000.000 đồng.

+ Thống nhất việc chia cổ tức đợt 2 năm 2017 là 17%/mệnh giá cổ phiếu- Thực hiện trong tháng 6/2018.

+ Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ năm 2018, thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn RSM Việt Nam là Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

- Kỳ họp thứ tư: Thông qua kết quả SXKD 6 tháng và các mặt công tác khác của quý II/2018; Triển khai Kế hoạch SXKD quý III năm 2018- Tại kỳ họp HĐQT- BKS quyết định:

+ Nhất trí tạm dừng chủ trương thuê đất tại Amata, đồng thời sẽ thông báo cho các cổ đông bằng văn bản.

+ Chấp thuận chủ trương đầu tư máy chung cất dung môi đã qua sử dụng để giảm chi phí và hạn chế nguy cơ cháy nổ trong Công ty - Dự toán chi phí cho việc đầu tư: 1.000 triệu đồng.

+ Nhất trí việc bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh vận tải, đồng thời bổ sung ngành nghề mới tại khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công ty.

+ Chấp thuận cho triển khai: Chương trình khuyến mại du lịch nước ngoài cho các đối tượng khách hàng- Tổng chi phí: 5.300 triệu đồng. Mức doanh số kỳ vọng: 72.000 triệu đồng. Địa điểm tổ chức Mức 1: Tại Vương Quốc Anh hoặc Úc; Mức 2: Tại Hàn Quốc hoặc Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất. Mức 3: Tại Việt Nam hoặc Campuchia.

Kỳ họp thứ 5: Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2018 và các mặt công tác khác của quý III/2018; Triển khai Kế hoạch SXKD quý IV năm 2018- Tại kỳ họp HĐQT- BKS quyết định:

+ Giao cho Ban Điều Hành Xây dựng Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh năm 2019- Báo cáo SONADEZI.

+ Thống nhất tờ trình về việc chấp dứt Hợp tác với AkzoNobel- Giao cho Ban Điều Hành xây dựng Đề Án thu hẹp sản xuất sắp xếp lao động dôi dư.

+ Nhất trí việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018, tỉ lệ cổ tức tạm ứng: 8%/mệnh giá cổ phiếu. Thực hiện vào tháng 1/2019.

4/- Quyết định và đề xuất chính sách cổ tức:

- Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 cho Cổ đông với tỉ lệ 25%/ mệnh giá cổ phiếu với số tiền thanh toán: 3.795.545.000 đồng
- Đảm bảo cổ tức chi trả năm 2017 là 25% theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 cho Cổ đông với tỉ lệ 8%/mệnh giá cổ phiếu với số tiền thanh toán: 1.214.574.400 đồng.

- Căn cứ vào Kết quả SXKD và Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán, theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2018 cổ tức chia là 25%/mệnh giá cổ phần. Hội Đồng Quản Trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông chi cổ tức lần 2: 17%, như vậy cổ tức cả năm 2018 sẽ là 25%.

5/- Đánh giá chung về vai trò của HĐQT:

- Hội đồng quản trị đã lãnh đạo Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai hoạt động theo đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ của một Công ty có cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- Đã lãnh đạo Doanh nghiệp tổ chức Sản xuất Kinh doanh và thực hiện các nghĩa vụ pháp luật khác đúng theo tinh thần Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Hội Đồng Quản Trị Công ty đã có những Quyết định, hoạch định chủ trương Sản xuất Kinh doanh và chính sách đầu tư hợp lý giúp cho Dòng vốn đầu tư của Cổ đông được BẢO TOÀN và HIỆU QUẢ.

- Hội Đồng Quản Trị Công ty đã lãnh đạo ĐẢM BẢO HÀI HÒA LỢI ÍCH giữa CỔ ĐÔNG và NGƯỜI LAO ĐỘNG thông qua lợi tức trên cổ phiếu chia cho CỔ ĐÔNG

và thu nhập, đi cùng với phúc lợi khác của người LAO ĐỘNG qua kết quả làm việc trên mỗi vị trí công tác.

- Hội đồng quản trị Công ty đã phối hợp tốt, lắng nghe và thực hiện nghiêm túc những khuyến cáo của Ban kiểm soát đảm bảo cho doanh nghiệp thực hiện các chủ trương theo đúng Điều lệ và quy định Pháp luật.

II/- PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019:

1/- Mục tiêu chung năm 2019.

- Phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông với mục tiêu: Đạt và vượt các chỉ tiêu kinh tế năm 2019 theo như Kế hoạch Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp-SONADEZI giao cho Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai.

- Lãnh đạo CB-CNV thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để không ngừng cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống của người lao động trong doanh nghiệp. Trong đó: PHÁT TRIỂN VỐN NHÀ NƯỚC, VỐN NHÀ ĐẦU TƯ VÀ HIỆU SUẤT CỔ TỨC.

- Thực hiện có trách nhiệm trong Hợp đồng hợp tác sản xuất với các Tập Đoàn AkzoNobel để sản xuất sơn tàu biển, giàn khoan dầu khí, sơn gia dụng, Tập Đoàn PPG sản xuất sơn công nghiệp có công dụng đặc biệt nhằm tận dụng hiệu quả kinh tế từ khu vực này.

2/- Các chỉ tiêu kinh tế thực hiện.

- Giá trị tổng sản lượng	: 252.061 triệu đồng
- Doanh thu	: 132.000 triệu đồng
- Nộp ngân sách	: 9.000 triệu đồng
- Lợi nhuận (trước thuế)	: 6.800 triệu đồng
- Tiền lương thu nhập b/q	: 8,1 triệu đồng
- Cổ tức dự kiến chia	: 15%/ giá trị mệnh giá cổ phiếu.
- Tổng sản lượng	: 12.700 tấn

3/- Biện pháp tổ chức thực hiện.

- Bám vào nghị quyết Nghị quyết Thường niên năm 2019 để cụ thể hóa nhiệm vụ SXKD, thực hiện các chỉ tiêu Kinh tế của năm 2019 theo đúng Pháp luật và Điều lệ Cty.

- Căn cứ vào tình hình Sản xuất kinh doanh từng Quý để có những chỉ đạo, quyết định kịp thời, giúp cho Ban Giám Đốc thực hiện được đầy đủ vai trò điều hành Công ty.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được giám sát, quản lý và thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

III/- KẾT LUẬN:

Kính thưa Quý vị Đại biểu

Kính thưa Quý vị Cổ đông

- Để thực hiện tốt kế hoạch SX-KD 2019. Hội đồng quản trị mong muốn: Sự đoàn kết, nhất trí cao giữa HĐQT – BKS- BGĐ điều hành. Trong đó là sự chỉ đạo kịp thời của Tổng Công Ty CP PT KCN. Đặc biệt là những chia sẻ, góp ý, chân thành của Quý Cổ đông Công ty.

Chúng tôi xin hứa sẽ là người đại diện xứng đáng và trách nhiệm của Quý cổ đông. Chúc Quý vị đại biểu - Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt; Chúc Đại hội của chúng ta thành công tốt đẹp- Công ty Cổ phần SƠN ĐỒNG NAI phát triển bền vững trong môi trường cạnh tranh.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trịnh Minh Trương

Số: 02/2019/TTr-ĐHCD

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v : Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018
Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai đã được sửa đổi, bổ sung ngày 16 tháng 08 năm 2018;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam

Hội Đồng Quản Trị trình Đại hội Đồng Cổ Đông Báo cáo tài chính năm 2018 của Công Ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai bao gồm các nội dung sau đây:

- Báo cáo của Ban Giám đốc;
- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính;

Toàn bộ nội dung của Báo cáo tài chính năm 2018 đề nghị Đại hội xem trong tài liệu họp. Quý Cổ đông cần thêm thông tin chi tiết về Báo cáo tài chính vui lòng liên hệ với Ban Giám đốc để được giải trình chi tiết.

Kính trình Đại hội xem xét quyết định, thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trịnh Minh Trương

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 35

CÔNG TY
SƠN ĐỒNG NAI
& TỬ
CÔNG TY
ĐỒNG NAI

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Minh Trương	Chủ tịch
Ông Hoàng Thuyền	Phó Chủ tịch
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Ông Liu Chien Hung	Thành viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Thành viên – miễn nhiệm ngày 24/04/2018
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên – bổ nhiệm ngày 24/04/2018

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Minh Trương	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thuyền	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Minh Trương

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 01 năm 2019

RSM VietnamLầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026

F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 19.113/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 01 năm 2019 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

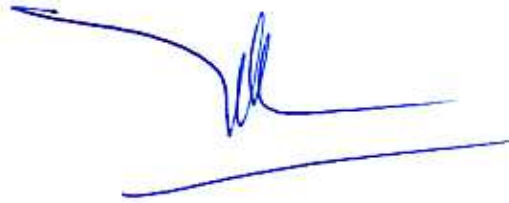
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Lộ Nguyễn Thúy Phượng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1191-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.958.301.562	52.132.737.169
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	5.829.066.110	1.970.484.479
1. Tiền	111		5.829.066.110	1.970.484.479
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	6.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	2.000.000.000	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.331.699.265	26.716.887.933
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	25.532.655.114	26.890.019.419
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.074.852.928	417.125.740
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	3.008.349.008	1.737.899.473
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.284.157.785)	(2.328.156.699)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	14.797.536.187	17.395.368.288
1. Hàng tồn kho	141		15.133.499.451	17.731.331.552
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(335.963.264)	(335.963.264)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	49.996.469
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	-	49.996.469
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.505.485.301	16.005.118.536
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		875.300.000	797.570.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	875.300.000	797.570.000
II. Tài sản cố định	220		7.283.019.021	9.895.134.017
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	7.283.019.021	9.895.134.017
Nguyên giá	222		29.702.035.374	29.661.416.874
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.419.016.353)	(19.766.282.857)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.019.000.000	5.019.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	5.019.000.000	5.019.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		328.166.280	293.414.519
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	69.120.819
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	328.166.280	224.293.700
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		64.463.786.863	68.137.855.705

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.704.515.013	34.687.362.436
I. Nợ ngắn hạn	310		28.087.639.253	34.070.486.676
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	9.129.410.999	12.501.274.319
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		231.647.352	641.511.530
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.264.272.669	707.063.443
4. Phải trả người lao động	314		4.923.648.204	4.380.695.574
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	6.676.091.168	8.574.714.353
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	129.353.081	98.578.716
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	4.199.168.422	5.569.506.070
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.534.047.358	1.597.142.671
II. Nợ dài hạn	330		616.875.760	616.875.760
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.12	616.875.760	616.875.760
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.759.271.850	33.450.493.269
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	35.759.271.850	33.450.493.269
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.182.180.000	15.182.180.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.182.180.000	15.182.180.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.304.793.432	11.169.856.192
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.518.200.000	1.518.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.754.098.418	5.580.257.077
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.784.712.077	1.109.591.296
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.969.386.341	4.470.665.781
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		64.463.786.863	68.137.855.705



Trịnh Minh Trương
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Trương Đình Dũng
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Thanh Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	170.169.527.856	169.069.638.553
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	15.981.885.965	16.033.026.109
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		154.187.641.891	153.036.612.444
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	111.067.317.380	109.735.927.869
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.120.324.511	43.300.684.575
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	671.545.772	366.490.772
7. Chi phí tài chính	22	5.5	4.797.121.885	5.101.801.253
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		653.653.924	592.617.320
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	15.700.973.561	15.721.495.901
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	13.795.091.896	14.431.658.717
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.498.682.941	8.412.219.476
11 Thu nhập khác	31	5.8	1.169.174.258	798.943.608
12 Chi phí khác	32	5.9	1.161.017.973	582.644.082
13 Lợi nhuận khác	40		8.156.285	216.299.526
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.506.839.226	8.628.519.002
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	2.044.463.538	1.369.045.940
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.12	(103.872.580)	465.306.300
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.566.248.268	6.794.166.762
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	4.021	3.616
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	4.021	3.616



Trịnh Minh Trương
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Trương Đình Dũng
Kế toán trưởng

Huyền Thị Thanh Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.506.839.226	8.628.519.002
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.10	2.687.173.496	2.625.232.449
Các khoản dự phòng	03		(43.998.914)	(686.209.575)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(669.657.932)	(410.664.374)
Chi phí lãi vay	06	5.5	653.653.924	592.617.320
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.134.009.800	10.749.494.822
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.646.654.578)	(2.538.764.609)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.597.832.101	(2.983.198.864)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.014.207.376)	978.962.804
Tăng giảm chi phí trả trước	12		69.120.819	754.772.185
Tiền lãi vay đã trả	14		(653.653.924)	(592.617.320)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(1.552.561.995)	(2.327.898.990)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	139.013.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.504.020.000)	(2.329.350.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.429.864.847	1.850.412.354
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	4.8	(75.058.500)	(2.681.932.677)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	55.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.000.000.000	10.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.4	669.657.932	355.664.374
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.594.599.432	(2.271.268.303)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	47.167.610.879	50.981.498.362
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(48.537.948.527)	(51.970.721.246)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.14.1	(3.795.545.000)	(2.580.970.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.165.882.648)	(3.570.193.484)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		3.858.581.631	(3.991.049.433)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.970.484.479	5.961.533.912
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	5.829.066.110	1.970.484.479

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
 ĐƯỜNG SỐ 7, KCN BIÊN HÒA 1, P. AN BÌNH, TP. BIÊN HÒA, T. ĐỒNG NAI




 Trịnh Minh Trương
 Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 29 tháng 01 năm 2019


 Trương Đình Dũng
 Kế toán trưởng


 Huỳnh Thị Thanh Hương
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai). Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600451024 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 208 (31 tháng 12 năm 2017 là: 225).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo;
- Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo;
- Dịch vụ thi công về sơn;
- Xây dựng nhà các loại và các công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Bắc Ninh	Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Bắc Ninh

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 – 15 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 – 18 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 07 năm |

3.8. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo số tiền thuê trả hàng năm.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như trích trước thường doanh số cho đại lý, trích trước chi phí khuyến mãi... do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

3.14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chiết khấu thanh toán và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.22. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	320.705.130	199.425.478
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.508.360.980	1.771.059.001
Cộng	5.829.066.110	1.970.484.479

(Xem tiếp trang sau)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 5,5%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	819.000.000	- (1)	819.000.000	- (1)
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	4.200.000.000	4.620.000.000 (2)	4.200.000.000	4.620.000.000 (2)
Cộng	5.019.000.000		5.019.000.000	

(1) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Sonadezi Châu Đức trên cơ sở giá niêm yết trên sân giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(2) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch để thuyết minh trong báo cáo tài chính năm do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH PPG Việt Nam	3.915.681.007	4.619.925.886
Chi nhánh tại TP HCM của Công ty TNHH Akzonobel Coatings Việt Nam	3.264.832.806	3.142.252.988
Các khách hàng khác	18.352.141.301	19.127.840.545
Cộng	25.532.655.114	26.890.019.419

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Lữ Hành Deks Air Việt Nam	1.252.125.000	-
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hùng Vân	339.193.908	-
Công ty TNHH Dịch vụ Quảng cáo Sao Mai	330.457.270	322.000.000
Các nhà cung cấp khác	153.076.750	95.125.740
Cộng	2.074.852.928	417.125.740

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	153.891.755	-	140.107.242	-
Phải thu khác	2.854.457.253	-	1.597.792.231	-
Cộng	3.008.349.008	-	1.737.899.473	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	875.300.000	-	797.570.000	-

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.284.157.785	-	2.590.416.164	262.259.465

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND				Tại ngày 01/01/2018 VND			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Thời gian quá hạn
Cửa hàng Nguyễn Văn Sơn	1.096.000.000	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm	1.096.000.000	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM XS Tâm Thành Long	276.885.274	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm	276.885.274	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM & XD Minh Khởi	367.017.470	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm	367.017.470	-	Trên 3 năm	Từ 6 tháng đến 3 năm
Các khách hàng khác	544.255.041	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm	850.513.420	262.259.465	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Cộng	2.284.157.785	-			2.590.416.164	262.259.465		

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	490.928.080	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.071.725.179	(189.481.343)	7.065.135.720	(189.481.343)
Công cụ, dụng cụ	572.669.421	-	812.502.502	-
Bán thành phẩm	481.571.666	-	581.638.692	-
Thành phẩm	6.972.184.778	(146.481.921)	8.775.905.406	(146.481.921)
Hàng hóa	35.348.407	-	5.221.152	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Cộng	<u>15.133.499.451</u>	<u>(335.963.264)</u>	<u>17.731.331.552</u>	<u>(335.963.264)</u>

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho được dùng để thế chấp bảo đảm các khoản vay ngân hàng – Xem thêm mục 4.13.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	7.953.820.577	14.864.612.206	6.710.723.546	132.260.545	29.661.416.874
Mua trong năm	-	75.058.500	-	-	75.058.500
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.440.000)	-	-	(34.440.000)
Tại ngày 31/12/2018	7.953.820.577	14.905.230.706	6.710.723.546	132.260.545	29.702.035.374
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	5.851.756.514	9.087.477.150	4.694.788.648	132.260.545	19.766.282.857
Khấu hao trong năm	490.693.236	1.578.216.465	618.263.795	-	2.687.173.496
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.440.000)	-	-	(34.440.000)
Tại ngày 31/12/2018	6.342.449.750	10.631.253.615	5.313.052.443	132.260.545	22.419.016.353
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	2.102.064.063	5.777.135.056	2.015.934.898	-	9.895.134.017
Tại ngày 31/12/2018	1.611.370.827	4.273.977.091	1.397.671.103	-	7.283.019.021

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 2.333.620.075 VND đã dùng thế chấp đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.818.739.509 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH PNP Chemitech	890.967.000	890.967.000	1.303.606.700	1.303.606.700
Công ty TNHH Getz Bros & Co.(VN)	825.000.000	825.000.000	841.500.000	841.500.000
Phải trả cho các đối tượng khác	7.413.443.999	7.413.443.999	10.356.167.619	10.356.167.619
Cộng	9.129.410.999	9.129.410.999	12.501.274.319	12.501.274.319

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	635.811.346	8.146.172.504	7.976.002.576	-	465.641.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	441.905.074	2.044.463.538	1.552.561.995	49.996.469	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	186.556.249	821.624.637	804.710.960	-	169.642.572
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Các loại thuế khác (các khoản phạt chậm nộp)	-	-	24.563.822	96.343.275	-	71.779.453
Cộng	-	1.264.272.669	11.040.824.501	10.433.618.806	49.996.469	707.063.443



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền thưởng doanh số đại lý phải trả	381.409.533	475.282.587
Chi phí chương trình khuyến mãi phải trả	108.613.000	1.896.068.000
Chi phí hội nghị khách hàng phải trả	4.350.000.000	4.675.000.000
Các khoản phải trả khác	1.836.068.635	1.528.363.766
Cộng	6.676.091.168	8.574.714.353

4.12. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	36.103.081	34.468.359
Các khoản phải trả, phải nộp khác	93.250.000	64.110.357
Cộng	129.353.081	98.578.716
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	616.875.760	616.875.760

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

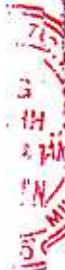
Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	4.199.168.422	4.199.168.422	47.167.610.879	48.537.948.527	5.569.506.070	5.569.506.070

Vay ngân hàng là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 34/2018-HĐCVHM/NHCT 682-SDN ngày 27/4/2018. Thời hạn vay không quá 5 tháng, hạn mức tín dụng 20 tỷ VND, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, bình quân 6,5%/năm. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh, được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Máy móc, thiết bị theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 01/SDN/2011/BBĐGL-2018 ngày 18/04/2018 - Xem thêm mục 4.8.
- Nhà máy sản xuất sản phẩm sơn các loại theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 02/SDN/2010/BBĐGL-2018 ngày 18/04/2018 - Xem thêm mục 4.8.
- Toàn bộ hàng tồn kho trị giá tối thiểu là 10 tỷ đồng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 03/SDN/2012/BBĐGL-2018 ngày 18/04/2018 - Xem thêm mục 4.7.

(Xem tiếp trang sau)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	15.182.180.000	9.999.343.191	1.518.200.000	4.220.419.852	30.920.143.043
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.794.166.762	6.794.166.762
Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016	-	-	-	(378.469.969)	(378.469.969)
Trích bổ sung quỹ ĐTPT năm 2016	-	151.387.987	-	(151.387.987)	-
Trích quỹ ĐTPT năm 2017	-	1.019.125.014	-	(1.019.125.014)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017	-	-	-	(1.304.375.967)	(1.304.375.967)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.580.970.600)	(2.580.970.600)
Tại ngày 01/01/2018	15.182.180.000	11.169.856.192	1.518.200.000	5.580.257.077	33.450.493.269
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.566.248.268	7.566.248.268
Tạm trích quỹ ĐTPT năm 2018	-	1.134.937.240	-	(1.134.937.240)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018	-	-	-	(1.461.924.687)	(1.461.924.687)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.795.545.000)	(3.795.545.000)
Tại ngày 31/12/2018	15.182.180.000	12.304.793.432	1.518.200.000	6.754.098.418	35.759.271.850



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vốn góp của Nhà nước	4.555.440.000	4.555.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	10.626.740.000
Cộng	15.182.180.000	15.182.180.000

4.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.518.218	1.518.218

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.14.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.566.248.268	6.794.166.762
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.461.924.687)	(1.304.375.967)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	6.104.323.581	5.489.790.795
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.518.218	1.518.218
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	4.021	3.616

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
USD	650,64	650,64
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2012	260.051.215	260.051.215
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 23/07/2013	333.886.504	333.886.504
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2015	1.111.934.750	1.111.934.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu bán hàng phát sinh trong năm.

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chiết khấu thương mại	15.320.575.505	15.471.259.992
Hàng bán bị trả lại	661.310.460	561.766.117
Cộng	15.981.885.965	16.033.026.109

5.3. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hàng hóa đã bán phát sinh trong năm.

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	250.718.932	355.664.374
Cổ tức, lợi nhuận được chia	418.939.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.887.840	9.475.680
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.350.718
Cộng	671.545.772	366.490.772

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	653.653.924	592.617.320
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.675.800	-
Chiết khấu thanh toán	4.141.792.161	4.509.183.933
Cộng	4.797.121.885	5.101.801.253

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí vật liệu, bao bì	1.138.204.823	1.012.702.160
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	18.626.900	82.785.650
Chi phí khấu hao TSCĐ	711.376.990	661.482.389
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	9.517.994.116	10.083.802.573
Chi phí dịch vụ mua ngoài	678.325.817	723.713.579
Chi phí bằng tiền khác	3.636.444.915	3.157.009.550
Cộng	15.700.973.561	15.721.495.901

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	8.011.835.419	8.315.111.833
Chi phí vật liệu quản lý	464.263.261	462.702.033
Chi phí đồ dùng văn phòng	110.897.368	190.973.379
Chi phí khấu hao TSCĐ	184.957.860	258.457.860
Thuế, phí và lệ phí	276.138.347	307.817.797
Chi phí dự phòng	-	(620.230.870)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	720.671.042	735.816.778
Chi phí bằng tiền khác	4.026.328.599	4.781.009.907
Cộng	13.795.091.896	14.431.658.717

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	55.000.000
Thu nhập từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa	1.089.258.630	434.686.045
Thu nhập khác	79.915.628	309.257.563
Cộng	1.169.174.258	798.943.608

5.9. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Xử lý hao hụt vật tư thiếu	1.129.680.245	450.399.296
Các khoản bị phạt	29.424.467	130.036.037
Các khoản khác	1.913.261	2.208.749
Cộng	1.161.017.973	582.644.082

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.938.419.579	70.176.509.430
Chi phí nhân công	30.182.662.621	30.295.052.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.687.173.496	2.625.232.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.607.474.853	25.428.212.557
Chi phí khác bằng tiền	12.273.991.889	12.637.227.236
Cộng	138.689.722.438	141.162.234.525

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	9.506.839.226	8.628.519.002
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.005.885.963	1.414.711.098
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.290.407.500)	(4.171.370.400)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	10.222.317.689	5.871.859.700
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	2.044.463.538	1.174.371.940
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	194.674.000
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.044.463.538	1.369.045.940

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hợp lý, hợp lệ, không hóa đơn, chứng từ; chi phí phạt vi phạm hành chính; chi phí trích trước...

5.12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Chi phí trả trước VND
Tại ngày 01/01/2017	(689.600.000)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	465.306.300
Tại ngày 01/01/2018	(224.293.700)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(103.872.580)
Tại ngày 31/12/2018	(328.166.280)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	47.167.610.879	50.981.498.362

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(48.537.948.527)	(51.970.721.246)

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn các loại
- Gia công sơn
- Hoạt động khác

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu thuần								
Từ khách hàng bên ngoài	105.455.271.469	104.141.968.817	48.732.370.422	48.894.643.627	-	-	154.187.641.891	153.036.612.444
Cộng	105.455.271.469	104.141.968.817	48.732.370.422	48.894.643.627	-	-	154.187.641.891	153.036.612.444

Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả của bộ phận	4.784.584.512	4.477.571.534	8.839.674.542	8.669.958.423	-	-	13.624.259.054	13.147.529.957
Thu nhập tài chính						671.545.772	366.490.772	366.490.772
Chi phí tài chính						(4.797.121.885)	(5.101.801.253)	(5.101.801.253)
Thu nhập khác						1.169.174.258	798.943.608	798.943.608
Chi phí khác						(1.161.017.973)	(582.644.082)	(582.644.082)
Lợi nhuận trước thuế						9.506.839.226	8.628.519.002	8.628.519.002
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(1.940.590.958)	(1.834.352.240)	(1.834.352.240)
Lợi nhuận sau thuế						7.566.248.268	6.794.166.762	6.794.166.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Sản xuất sơn các loại		Dịch vụ gia công		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tài sản của bộ phận	40.886.464.801	43.178.984.164	9.643.661.354	10.683.589.896	-	-	50.530.126.155	53.862.574.060
Tài sản không phân bổ							13.933.660.708	14.275.281.645
Tổng tài sản							64.463.786.863	68.137.855.705

	Sản xuất sơn các loại		Dịch vụ gia công		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Nợ phải trả của bộ phận	13.689.579.854	18.810.870.635	-	-	-	-	13.689.579.854	18.810.870.635
Nợ phải trả không phân bổ							15.014.935.159	15.876.491.801
Tổng nợ phải trả							28.704.515.013	34.687.362.436

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Sản xuất sơn các loại		Dịch vụ gia công		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí mua sắm tài sản	75.058.500	2.412.932.677	-	269.000.000	-	-	75.058.500	2.681.932.677
Chi phí khấu hao	2.246.154.403	2.183.705.915	441.019.093	441.526.534	-	-	2.687.173.496	2.625.232.449

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi) | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>
Trả cổ tức:		
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	1.138.860.000	774.424.800

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>
Thù lao và thu nhập	1.007.372.000	1.036.201.000
Cổ tức trả cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	599.242.500	407.484.900

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	101.480.000	97.749.000

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 48 năm, với tiền thuê cố định mỗi năm:

	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	242.341.041	246.645.678

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2018</u> <u>VND</u>	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2018</u> <u>VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	169.378.151	169.378.151
Trên 1 năm đến 5 năm	315.023.291	315.023.291
Trên 5 năm	1.575.116.455	1.638.121.113
Cộng	<u>2.059.517.897</u>	<u>2.122.522.555</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trịnh Minh Trương
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Trương Đình Dũng
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Thanh Hương
Người lập

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

**Về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018
tại Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và hoạt động của Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Sơn Đồng Nai với các nội dung cụ thể như sau:

A. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

I. Thẩm định báo tài chính:

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam thực hiện, Ban Kiểm soát đã thẩm định và thống nhất các vấn đề sau:

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty trình bày trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

II. Đánh giá công tác kế toán:

- Chế độ lập, gửi báo cáo và chấp hành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và kịp thời.
- Hạch toán rõ ràng, sắp xếp lưu trữ chứng từ hợp lý, thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu.
- Sổ sách kế toán mở đầy đủ theo quy định.

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

Qua quá trình giám sát các hoạt động tại Công ty năm 2018, Ban kiểm soát có các đánh giá sau:

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

- 1. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

TT	Chỉ tiêu	Dvt	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện so kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	Trđ	142.000	156.028	109,88%
2	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	6.000	7.566	126,10%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	20,77%	28,41%	136,78%
4	Các khoản phải nộp NS	Trđ	11.000	11.041	100,37%

1.1 Tổng doanh thu	:	156.028.361.921 đồng
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần về bán hàng, dịch vụ	:	154.187.641.891 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính	:	671.545.772 đồng
- Thu nhập khác	:	1.169.174.258 đồng
1.2 Tổng chi phí	:	146.521.522.695 đồng
<i>Trong đó:</i>		
- Giá vốn hàng bán	:	111.067.317.380 đồng
- Chi phí hoạt động tài chính	:	4.797.121.885 đồng
- Chi phí bán hàng	:	15.700.973.561 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	:	13.795.091.896 đồng
- Chi phí khác	:	1.161.017.973 đồng
1.3 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	:	9.506.839.226 đồng
1.4 Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	2.044.463.538 đồng
1.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	:	(103.872.580) đồng
1.6 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	:	7.566.248.268 đồng

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thông qua chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 109,88% và lợi nhuận sau thuế đạt 126,10%.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ đạt được là 136,78%, vượt 36,78% so với kế hoạch.

- Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước tỷ lệ đạt 100,37%, vượt 0,37% so với kế hoạch.

- Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được, Công ty đã tạm trích các quỹ theo Nghị quyết ĐHCĐ 2018: Quỹ đầu tư phát triển là 1.135 triệu đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 984 triệu đồng, Quỹ xã hội cộng đồng là 151 triệu đồng và Quỹ khen thưởng Ban điều hành là 327 triệu đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2018.

2. Tình hình đầu tư và mua sắm tài sản:

Trong năm 2018, Công ty đã đầu tư, mua máy đo độ nhớt VEELVTJ0 để phục vụ sản xuất với số tiền là 75 triệu đồng. Việc mua sắm, bàn giao tài sản thực hiện theo đúng kế hoạch và thẩm quyền phê duyệt.

3. Tình hình đầu tư tài chính:

Công ty đã đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, cụ thể là mua cổ phần tổng giá trị là

5.019 triệu đồng. Trong đó: mua của Công ty CP Sonadezi Châu Đức: 4.200 triệu đồng, Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch: 819 triệu đồng.

Theo báo cáo tài chính năm 2018, Công ty đã nhận cổ tức được chia từ Công ty CP Sonadezi Châu Đức là 378 triệu đồng (bao gồm năm 2016, 2017) và Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch là 40,950 triệu đồng.

II. Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018:

1. Cơ cấu tổng tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2018:

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	50.958.301.562	52.132.737.169
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.829.066.110	1.970.484.479
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2.000.000.000	6.000.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	28.331.699.265	26.716.887.933
IV	Hàng tồn kho	140	14.797.536.187	17.395.368.288
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		49.996.469
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	13.505.485.301	16.005.118.536
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	875.300.000	797.570.000
II	Tài sản cố định	220	7.283.019.021	9.895.134.017
III	Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.019.000.000	5.019.000.000
IV	Tài sản dài hạn khác	260	328.166.280	293.414.519
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	64.463.786.863	68.137.855.705
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	28.704.515.013	34.687.362.436
I	Nợ ngắn hạn	310	28.087.639.253	34.070.486.676
II	Nợ dài hạn	330	616.875.760	616.875.760
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	35.759.271.850	33.450.493.269
I	Vốn chủ sở hữu	410	35.759.271.850	33.450.493.269
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15.182.180.000	15.182.180.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	12.304.793.432	11.169.856.192
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	1.518.200.000	1.518.200.000
4	Lợi nhuận chưa phân phối	421	6.754.098.418	5.580.257.077
	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>1.784.712.077</i>	<i>1.109.591.296</i>
	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>4.969.386.341</i>	<i>4.470.665.781</i>
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	64.463.786.863	68.137.855.705

2. Đánh giá:

- **Tài sản cố định:** Trong năm 2018, Công ty đã đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị để phục vụ sản xuất với trị giá là 75 triệu đồng và được hình thành tài sản cố định. Đồng

thời, Công ty cũng đã giám máy BROOK FIELD RTV DVI+, do đã sử dụng lâu năm và một số lỗi kỹ thuật khi vận hành xảy ra như đèn chiếu sáng không hoạt động, giá trị thể hiện không ổn định. Nguyên giá là 34 triệu đồng, đã trích khấu hao hết.

Tổng nguyên giá TSCĐ, tại ngày 31/12/2018 là 29.702 triệu đồng. Công ty đã thực hiện trích khấu hao trong năm 2018 là 2.687 triệu đồng, khấu hao lũy kế là 22.419 triệu đồng và giá trị còn lại là 7.283 triệu đồng.

- **Hàng tồn kho:** tại ngày 31/12/2018, giá trị hàng tồn kho của Công ty là 15.133 triệu đồng. Trong đó: tồn kho nguyên liệu, vật liệu là 7.071 triệu đồng; kho thành phẩm là 6.972 triệu đồng; kho công cụ, dụng cụ, bán thành phẩm, hàng hóa, là 1.090 triệu đồng.

Công ty cũng đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với nguyên liệu, vật liệu và thành phẩm là 336 triệu đồng.

- **Các khoản công nợ:** tại ngày 31/12/2018

Công nợ phải thu:

- Các khoản phải thu ngắn hạn: 28.332 triệu đồng, trong đó:
 - + Phải thu ngắn hạn của khách hàng : 25.533 triệu đồng
 - + Trả trước cho người bán ngắn hạn : 2.075 triệu đồng
 - + Phải thu khác ngắn hạn : 3.008 triệu đồng
 - + Trích lập dự phòng phải thu khó đòi : (2.284) triệu đồng
- Các khoản phải thu dài hạn: 875 triệu đồng.

Công nợ phải trả: 28.705 triệu đồng, trong đó:

- Nợ ngắn hạn: 28.088 triệu đồng, chủ yếu Phải trả cho người bán ngắn hạn là 9.129 triệu đồng; Chi phí phải trả ngắn hạn là 6.676 triệu đồng; Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 4.199 triệu đồng; Phải trả người lao động là 4.924 triệu đồng; Thuế và các khoản nộp Nhà nước là 1.264 triệu đồng; Người mua trả tiền trước, Phải trả khác và Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 1.896 triệu đồng.

- Nợ dài hạn: 617 triệu đồng

C. ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty:

- Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên trực tiếp điều hành Công ty. Các thành viên Hội đồng Quản trị đã tích cực hỗ trợ Ban Tổng giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều đảm bảo đúng quy định pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Trong các cuộc họp đều có sự tham dự của thành viên Ban kiểm soát.

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 5 phiên họp để phân tích, đánh giá chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính và quyết định các vấn đề phát sinh khác của Công ty.

- Chương trình, nội dung làm việc được gửi tới các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nghiên cứu trước đó. Trong thảo luận đảm bảo dân chủ nên đã đạt được sự nhất trí, đồng thuận cao giữa thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

II. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Ban Tổng giám đốc gồm 02 thành viên, Tổng giám đốc đã thực hiện phân công công việc trong Ban Tổng giám đốc hợp lý, mỗi thành viên đều phát huy và nêu cao vai trò trách nhiệm của mình trong công việc.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; thực hiện việc quản lý, điều hành một cách hợp lý và hiệu quả đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý và Cổ đông:

- HĐQT đã ban hành Quy chế quản trị Công ty, trong đó quy định cụ thể các nội dung phối hợp giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát nhằm phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty.

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc giúp cho công tác giám sát kịp thời và thuận tiện hơn.

- Các cán bộ quản lý đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ giúp Ban kiểm soát hoàn thành tốt công tác kiểm tra, giám sát.

- Đối với Cổ đông: Trong năm Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của Cổ đông.

D. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Căn cứ kế hoạch hoạt động năm 2018, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các công tác sau:

+ Thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc; xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2018, giám sát công tác ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán. Phối hợp với Công ty kiểm toán độc lập xem xét các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính, giám sát việc thực thi các ý kiến của đơn vị kiểm toán đưa ra.

- Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên, lập kế hoạch kiểm tra giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

- Ban kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp, nội dung thông qua các vấn đề sau:

+ Phân công công việc cho từng thành viên Ban kiểm soát;

+ Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban kiểm soát.

- Thủ lao và chi phí hoạt động năm 2018:



1. Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng BKS	48.496.000 đồng
2. Nguyễn Thị Dung	Thành viên BKS	26.492.000 đồng
3. Huỳnh Thị Thanh Hương	Thành viên BKS	26.492.000 đồng

D. KIẾN NGHỊ:

Năm 2018, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua. Tuy nhiên, để giữ vững kết quả đã đạt được và không ngừng phát triển trong tương lai, Công ty cần có những chiến lược cụ thể như sau:

- Không ngừng quảng bá hình ảnh, sản phẩm mang thương hiệu DONASA;
- Củng cố và phát triển hệ thống phân phối;
- Đẩy mạnh công tác khai thác mở rộng thị trường mới, đồng thời nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, ổn định chất lượng sản phẩm.
- Công ty cần quan tâm hơn nữa đến công tác phát triển nguồn nhân lực, để đáp ứng nhiệm vụ kinh doanh, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh trong tình hình kinh tế hiện nay.
- Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc có những biện pháp thu hồi công nợ đến hạn; kiên quyết xử lý đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã kéo dài nhiều năm.

E. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.
- Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác theo quy định của Công ty.
- Phối hợp các Phòng chức năng của Công ty giám sát, kiểm tra về việc thực hiện các chỉ đạo, nghị quyết của HĐQT Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tài chính quý và thẩm định báo cáo tài chính năm 2019.
- Thực hiện các công việc khác khi có phát sinh.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và hoạt động của Ban kiểm soát tại Công ty CP Sơn Đồng Nai. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: Ban KS.


Đặng Lê Bích Phượng

Số: 03/2019/TTr-ĐHCĐ

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v : Phân phối Quỹ và cổ tức năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;

- Căn cứ Kết quả Sản xuất Kinh doanh và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018;

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức như sau:

TT	Nội dung	%TH	Số tiền (đ)
I	Vốn điều lệ		15.182.180.000
II	Kết quả kinh doanh năm 2018		
1	Doanh thu thuần		154.187.641.891
2	LN sau thuế TNDN		7.566.248.268
III	Tổng trích các quỹ		2.596.861.927
1	Quỹ đầu tư phát triển	15%	1.134.937.240
2	Quỹ khen thưởng	8%	605.299.861
3	Quỹ phúc lợi (Kế hoạch 5%)	5%	378.312.413
4	Quỹ xã hội-cộng đồng	2%	151.324.965
5	Thưởng Ban quản lý điều hành (Trong đó: 2% BĐH, 1% Người lao động).	3%	226.987.448
6	Thưởng HĐQT & BKS (*) (Kế hoạch 5% LNTT vượt KH)	5%	100.000.000
IV	Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ		4.969.386.341
V	Lợi nhuận còn lại của năm 2017 chuyển sang		1.784.712.077
VI	Tổng lợi nhuận còn lại		6.754.098.418
VII	Cổ tức	25%	3.795.545.000
VIII	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2019		2.958.553.418

- Thưởng HĐQT và BKS 5% trên lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch với số tiền 100.000.000 đ – Tương đương bằng 1,3% trên lợi nhuận sau thuế và

trích từ lợi nhuận sau thuế. Đảm bảo tổng mức chi cho các khoản khen thưởng không vượt quá 20% trên lợi nhuận sau thuế.

Kính trình Đại hội đồng cổ động xem xét, quyết định thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CƠ PHẦN
SƠN
SƠN MỸ
DIỆN HÒA - TỈNH CÔNG MỸ



Trịnh Minh Trương

TỔNG CTY CP PHÁT TRIỂN KCN
CTY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

=====
Số: 04/2019/TTr-ĐHCĐ

=====
Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v : Lựa chọn Công ty kiểm toán
để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

=====

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015;

- Căn cứ yêu cầu kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Hội đồng quản trị xin giới thiệu 3 Công ty kiểm toán sau đây:

- 1/- CTY TNHH KIỂM TOÁN, TƯ VẤN RSM VIỆT NAM
- 2/- CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
- 3/- CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AASC

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trịnh Minh Trương

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v : Sửa đổi, bổ sung Điều lệ
Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai

=====

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cty Cổ Phần Sơn Đồng Nai được sửa đổi, bổ sung ngày 16/08/2018.

- Để phù hợp với Điều lệ mẫu được quy định tại Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Ban Điều hành báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
Điều 1: Định nghĩa Nội dung này chưa được quy định trong Điều lệ.	Điều 1: Định nghĩa c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010; d. "Người quản lý" bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và người điều hành. e. "Người điều hành" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Chi nhánh. h. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành	
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty. 3.1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện	

<p>Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>theo pháp luật của Công ty. 3.2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: a. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. b. Người đại diện theo pháp luật thực hiện trách nhiệm theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
---	--	--

<p>Điều 6. Cổ phiếu.</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 0 của 0.</p> <p>2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</p> <p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cấp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận Cổ phiếu.</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	
<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p>	

<p>chuyển nhượng, thừa kế trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.</p> <p>3. Trong trường hợp cổ đông bị chết, những người thừa kế theo di chúc hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng qui định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.</p>	<p>1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.</p>	
<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi hoặc bán cho các đối tượng khác theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	

<p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 1,5 lần lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm gần nhất) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p>	<p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (theo tỷ lệ không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	
<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông Nội dung này chưa được quy định trong Điều lệ.</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. 	
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông. 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản d và e Điều 13</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông. 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản d e Điều 13.</p>	
<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp mua lại cổ phần được thực hiện</p>	

	theo tỉ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.	
--	--	--

12/1/2011 10:00:00

<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Nội dung này chưa được quy định trong Điều lệ.</p>	<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.</p> <p>1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.</p> <p>a. Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 60% trở lên tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện. <p>b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>c. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông; - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và số lượng cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền; <p>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp</p>	
--	---	--

	<p>pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền; <p>d. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;- Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty	
--	---	--

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Đối với cổ đông bên ngoài thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc; đồng thời thông báo mời họp được đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Mẫu chi định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười lăm (15) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

<p>hợp.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 5 của Điều 17 trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p> <p>7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>8. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	<p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu chi định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ mười (10) % cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
---	--	--

<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> <p>4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	
<p>Điều 20: Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Nội dung này chưa được quy định trong Điều lệ..</p> <p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít</p>	<p>Điều 20: Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Định hướng phát triển Công ty.</p> <p>b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc</p> <p>c) Thông qua báo cáo tài chính năm.</p> <p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít</p>	

<p>nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p>	<p>nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) :</p> <p>a) Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</p> <p>b) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty</p>	
--	---	--

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông

<p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>9. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này, Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
---	--	--

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ



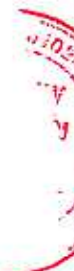
	<p>ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
<p>Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. 	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 21 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	
<p>Nội dung này chưa được quy định trong Điều lệ</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc 	

	<p>họp Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); 	
--	--	--

<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>g. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản</p>	<p>Điều 27: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác, khen thưởng, kỷ luật đối với đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này;</p> <p>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty ngoại trừ cơ cấu tổ chức quản lý Công ty quy định tại Điều 11 Điều lệ này; Quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn,</p>
--	--

<p>lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;</p> <p>h. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</p> <p>i. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>j. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>k. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>l. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>m. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).</p> <p>n. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</p> <p>o. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>q. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p>	<p>mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; xác định mức tạm ứng cổ tức trong kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>m. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được</p>	
--	--	--

<p>x. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>y. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.</p> <p>z. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 200.000.000 đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không</p>	<p>Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>f. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm o khoản 2 Điều 15, điểm b khoản 5 Điều 40 của Điều lệ này;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới là người điều hành khác</p>
--	--

<p>quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình</p>	<p>đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	  
---	---	---

<p>thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>		
<p>Nội dung này chưa được quy định trong Điều lệ.</p>	<p>Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành</p>	

	viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .	
--	---	--

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 0 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều 28 có thể

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) (người điều hành khác);
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài

<p>tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p><u>6. Địa điểm họp.</u> Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p><u>7. Thông báo và chương trình họp.</u> Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p><u>8. Số thành viên tham dự tối thiểu.</u> Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.</p> <p><u>9. Biểu quyết.</u></p> <p>a. Trừ quy định tại Khoản 0a Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích</p>	<p>chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p>	
---	---	--

và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 0c Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Hop trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định

thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một

mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

<p>chữ ký của thành viên.</p> <p><u>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị.</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</p> <p><u>15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</u> Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><u>16. Giá trị pháp lý của hành động.</u> Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	<p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	
---	---	--

<p>Điều 32. Thư ký Công ty (Bãi bỏ).</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty đồng thời làm Thư ký Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p>	
<p>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Thành viên này không phải là người của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ</p>	<p>Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.</p> <p>1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số</p>	

định một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

1. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, số lượng ứng viên còn lại sẽ do Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.

Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

<p>kinh doanh của công ty.</p> <p>Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</p> <p>Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.</p> <p>4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm</p>	<p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	
--	--	--

soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.		
---	--	--

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một

	<p>năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	
--	--	--

Điều 40. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông.

Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức trong phạm vi kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

<p>Trung tâm Lưu ký.</p> <p>6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p>		
<p>Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận (bãi bỏ)</p>		
<p>Điều 42: Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh.</p> <p>1. Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình phương án xử lý để Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời.</p> <p>2. Trường hợp công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật Phá sản.</p>	<p>Điều 44: Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh.</p> <p>Trong trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Hội đồng quản trị phải đề xuất Đại hội đồng cổ đông xử lý theo 2 phương án sau:</p> <p>a. Chuyển lỗ sang năm sau theo các quy định hiện hành, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.</p> <p>b. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật phá sản.</p>	

<p>Điều 44. Trích Quỹ dự trữ vốn điều lệ (Bãi bỏ)</p> <p>Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này do Hội đồng quản trị đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhưng không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.</p> <p>Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông quyết định trích lập các quỹ khác theo đề xuất của Hội đồng quản trị.</p>		
<p>Nội dung này chưa được quy định trong Điều lệ</p>	<p>Điều 49. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 50. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 52. Con dấu</p> <p>1. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc thông báo mẫu con dấu với cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành</p> <p>3. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.</p> <p>4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về sử dụng con dấu.</p>	
<p>Điều 51. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều 53. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty.</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>c. Công ty không còn đủ số lượng 3 cổ đông trong thời hạn 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.</p> <p>2. Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình</p>	

<p>đồng quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.</p> <p>3. Trình tự giải thể Công ty:</p> <p>Việc giải thể Công ty trong các trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>a. Thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; - Lý do giải thể; - Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng kể từ ngày thông qua quyết định giải thể; - Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động; - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. <p>b. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý tài sản Công ty.</p> <p>c. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty. Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.</p> <p>d. Người đại diện theo pháp luật gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.</p>	
--	--	--

Điều 56. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông (Bãi bỏ)

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Trên đây là nội dung liên quan tới việc Sửa đổi, Bổ sung Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trịnh Minh Trương

Trịnh Minh Trương

Số: 06/2019/TTr-ĐHCD

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v : Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung
thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2015-2019)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015;
- Căn cứ Điều lệ Cty Cổ Phần Sơn Đồng Nai sửa đổi, bổ sung ngày 16/08/2018.
- Căn cứ đơn xin từ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát của bà Huỳnh Thị Thanh Hương, do đã được bổ nhiệm làm Phụ trách Kế toán.
- Căn cứ Công văn 138/SNZ-NS ngày 26 tháng 03 năm 2019 của Tổng Công ty CP Phát Triển KCN về việc đề cử nhân sự bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát Công ty CP Sơn Đồng Nai.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua về việc miễn nhiệm, bầu bổ sung 01 thành viên Ban Kiểm soát như sau:

- 1/- Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát.
 - Bà Huỳnh Thị Thanh Hương (Có Đơn xin từ nhiệm kèm theo).
- 2/- Thông qua nhân sự Bầu bổ sung 01 Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2015 – 2019).

Để đảm bảo số lượng Ban Kiểm soát là 3 Thành viên trong nhiệm kỳ IV (2015 – 2019), Hội Đồng Quản Trị đã có Thông báo gửi các Cổ đông về việc đề cử, ứng cử để bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát.

Căn cứ kết quả việc đề cử ứng viên của Tổng Công ty Phát Triển KCN (chiếm 30% vốn Điều lệ), Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách ứng cử viên bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát như sau:

- + Bà Bùi Thị Thùy Liên Sinh ngày: 30/01/1984 Tại Đồng Nai
- + Số CMND: 271601173 Ngày cấp 23/08/2013 Nơi cấp: Công an Đồng Nai
- + Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- + Trình độ văn hóa: 12/12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.

+ Địa chỉ thường trú: 9E, Tổ 5, KP10, P.An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

+ Chức vụ: Nhân viên thu mua Phòng Kinh doanh- Công ty CP Sơn Đồng Nai.

+ Hồ sơ quá trình công tác, hoạt động của bà Bùi Thị Thùy Liên kèm theo.

- Căn cứ điều 36 Điều lệ Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai, bà Bùi Thị Thùy Liên đủ điều kiện tham gia vào Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai.

Việc bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế làm việc, bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Trịnh Minh Trương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

=====

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên : **Bùi Thị Thùy Liên**
Giới tính : **Nữ**
Ngày, tháng, năm sinh : **30/01/1984**
Nơi sinh : **Đồng Nai**
CMND : **271601173 Ngày cấp 23/08/2013 Nơi cấp: Công an Đồng Nai**
Quốc tịch : **Việt Nam**
Dân tộc : **Kinh**
Địa chỉ thường trú : **9E, Tổ 5, KP10, P.An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.**

Số điện thoại liên lạc : **0908 930 203**
Trình độ chuyên môn : **Cử nhân Kế toán**
Quá trình công tác :
Năm 2004 : **Tốt nghiệp trung cấp trường Kỹ Thuật Công Nghiệp**
Năm 2005-2007 : **Nhân viên Công ty Fujitsu-KCN Biên Hòa 2**
Năm 2007-2012 : **Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty Suzuki.**
Năm 2012 : **Tốt nghiệp Cử nhân kế toán (Hệ tại chức)**
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết : **Nhân viên Phòng Kinh doanh-Công ty CP Sơn Đồng Nai**
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : **Không**
Số CP nắm giữ: **0 cổ phần (chiếm 0%) vốn điều lệ.**
Những khoản nợ đối với Công ty : **Không**
Lợi ích liên quan đối với Công ty : **Không**
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 16 tháng 04 năm 2019

Người Khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Bùi Thị Thùy Liên

=====

Số: 02/2019/QC-ĐHCĐ

=====

Đồng Nai, ngày 26 tháng 04 năm 2019

QUY CHẾ BẦU CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

=====

Việc bầu cử thành viên Ban Kiểm Soát tại Đại hội cổ đông được tiến hành theo những quy định sau đây :

1/- Chủ tọa đoàn của Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử này, với những công việc cụ thể là :

- Thiết lập danh sách đề cử và ứng cử vào Ban Kiểm Soát (Trong Đại hội này chỉ bầu bổ sung 1 thành viên Ban Kiểm Soát).

- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu
- Kiểm tra và công bố kết quả bầu cử
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

2/- Nguyên tắc bầu cử

- Đúng luật, đúng điều lệ Bầu cử trực tiếp và bỏ phiếu kín
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

3/- Tiêu chuẩn chọn người vào Ban Kiểm Soát căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2014, các văn bản hướng dẫn thi hành luật và Điều lệ Công ty hiện hành.

4/- Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm Soát.

4.1 Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4.2 Ban xác nhận cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần phổ thông nêu ở điểm 4.1

4.3 Chủ tọa đoàn có trách nhiệm thu thập các thông tin cơ bản về ứng cử viên, rà soát danh sách trước khi tiến hành bầu cử (để đảm bảo không vi phạm luật, điều lệ), giới thiệu về ứng cử viên cho các cổ đông có cơ sở chọn lựa

5/- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

6/- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Ban Kiểm soát.

7/- Những thành viên trúng cử vào Ban Kiểm soát.

7.1 Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu (kết quả bầu cử tính theo phần trăm được làm tròn đến 2 số thập phân).

7.2 Trường hợp có những ứng cử viên đạt được tỷ lệ tín nhiệm ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt được đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.

7.3 Nếu kết quả bầu cử lần một không chọn đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, thì sẽ tiến hành bầu lại lần hai với các ứng cử viên chưa đạt ở lần một. Nếu sau hai lần bầu cử mà vẫn không chọn đủ số thành viên Ban Kiểm soát cần thiết, thì Ban Kiểm soát chỉ bao gồm các thành viên đã trúng cử. Số thành viên Ban Kiểm soát còn thiếu sẽ được bổ sung vào Đại hội cổ đông lần kế tiếp.

8/- Phương thức bầu cử :

8.1 Lập danh sách bầu cử xếp theo thứ tự tên người theo vần A, B, C ... (đã có danh sách).

8.2 Phiếu bầu in sẵn có tên những người trong danh sách bầu cử, có đóng dấu của Công Ty ở góc trái phía trên của phiếu bầu.

- Người bầu cử nếu không bầu cho ai trong danh sách bầu cử thì gạch giữa cả chữ họ và tên của người mà mình không bầu.

8.3 Phiếu bầu hợp lệ : Là phiếu do Ban bầu cử phát ra, có đóng dấu Công ty. Không bầu cho ai như hướng dẫn tại mục 8.2. Bỏ phiếu bầu cho 1 (một) hoặc tất cả các ứng viên trong danh sách ứng cử viên.

8.4 Phiếu không hợp lệ : Là phiếu không do Ban bầu cử phát ra, phiếu bầu người ngoài danh sách, phiếu có đánh dấu, ký tên hoặc viết thêm, bị tẩy xóa.

9/- Việc kiểm phiếu : Tiến hành ở một phòng riêng dưới sự giám sát của đại diện cổ đông.

10/- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ tọa đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của CD nếu có.

11/- Mọi đại biểu cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan đến cuộc bầu cử này, nếu xét thấy có những dấu hiệu vi phạm luật và điều lệ.

12/- Thông qua quy chế bầu cử của Đại hội.

2

TRỊNH MINH TRƯƠNG
CHỦ TỊCH



TRỊNH MINH TRƯƠNG

Số: 01/2019/TL-ĐHCĐ

Đồng Nai, ngày 26 tháng 04 năm 2019

THẺ LỆ BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015.

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai.

Thực thể bầu bổ sung 01 thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai như sau :

1/- Nội dung bầu cử :

Bầu bổ sung 01 Thành viên Ban Kiểm soát.

2/- Phương thức bầu cử : Bầu dồn phiếu, công khai trực tiếp.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2014 quy định : “Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS, cổ đông có quyền dồn hết tổng số cổ phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên”.

Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty”.

* Theo đó, việc tiến hành bầu cử A (B) thành viên Ban Kiểm soát sẽ theo cách sau :

- **Tổng số phiếu bầu của một cổ đông = Tổng số cổ phần sở hữu của cổ đông x A (B)** [A (B) là số lượng thành viên bầu vào BKS].

- Cổ đông có thể dùng **Tổng số phiếu bầu** của mình để bầu cho các ứng viên có tên trong danh sách ứng cử. Cổ đông ủng hộ ứng viên nào thì sẽ điền **số phiếu bầu** hoặc phân bổ **số phiếu bầu** của mình vào ô trống ở cột “**Số phiếu bầu cho ứng viên**” tương ứng với từng ứng viên.

- Cổ đông chỉ được quyền bầu dồn phiếu cho ứng viên trong phạm vi **Tổng số phiếu bầu** của mình, tức là tổng số phiếu bầu cho các ứng viên **phải nhỏ hơn hoặc bằng** Tổng số phiếu bầu của cổ đông đó.

- Kết quả được công nhận :

Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

Trường hợp có những ứng viên đạt tỷ lệ % số cổ đông tín nhiệm ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì người nào sở hữu đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cũng ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng viên này để chọn.

3/- Phiếu bầu cử :

- Hình thức phiếu bầu :

+ Phiếu bầu Ban Kiểm soát có đóng dấu đỏ của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai.

- Nội dung phiếu bầu :

- + Mã số cổ đông, họ và tên Cổ đông/người đại diện, tổng số phiếu bầu.
- + Họ và tên ứng viên - Số phiếu bầu cho ứng viên.

Ghi chú :

- Phiếu bầu hợp lệ là phiếu bầu thuộc các trường hợp :

+ Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu của cổ đông.

+ Dồn phiếu cho 1 hoặc nhiều người.

- Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu thuộc các trường hợp sau :

- + Phiếu bầu bị gạch xóa, sửa chữa, thay đổi.
- + Phiếu bầu không phải là phiếu do Ban bầu cử phát hành.
- + Cổ đông dùng vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.
- + Cổ đông bầu bằng “%” số phiếu.

- Xin đổi phiếu bầu :

Trường hợp có sự sai sót trong quá trình viết phiếu, cổ đông có thể liên hệ Ban bầu cử để được hướng dẫn và thay thế phiếu bầu khác.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN
SƠN
SÔNG NAI
TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG



Trịnh Minh Trương

Số: 07/2019/TTr-ĐHCĐ

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v : Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát Năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;

- Căn cứ Điều lệ Công Ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai đã được sửa đổi, bổ sung ngày 16 tháng 08 năm 2018;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2018.

1/- Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát, thư ký HĐQT, nhân viên CBTT :

- Hội Đồng quản trị (5 thành viên):	219.972.000 đ
- Ban Kiểm soát (3 thành viên):	79.980.000 đ
- Thư ký HĐQT + Công bố thông tin	46.656.000 đ
Tổng	

2/- Tiền thưởng HĐQT và Ban Kiểm Soát là 5%/LNTT vượt kế hoạch (Theo NQ ĐHCĐ2018):

- Kế hoạch LNTT 2018:	7.500.000.000 đ
- Kết quả thực hiện LNTT 2018:	9.500.000.000 đ
- Lợi nhuận thực hiện vượt so với KH:	2.000.000.000 đ
- Trích 5%/lợi nhuận vượt KH:	100.000.000 đ

Đề nghị Đại hội xem xét và biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trịnh Minh Trương

Số: 08/2019/TTr-ĐHCĐ

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Thảo luận và thông qua 12 vấn đề trong nội dung của Đại hội

Kính thưa Quý vị Cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015;

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cty Cổ Phần Sơn Đồng Nai được sửa đổi, bổ sung ngày 16/08/2018;

- Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2018 của của Cty Cổ Phần Sơn Đồng Nai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam;

Hội Đồng Quản Trị trân trọng đề trình lên Đại hội Cổ đông thường niên năm 2019 xem xét và thông qua các nội dung sau :

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo Kết quả SXKD, công tác quản lý của Ban Điều hành năm 2018.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo Phương hướng SXKD của Ban Điều hành năm 2019.

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2018.

Nội dung 4: Thông qua Phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019.

Nội dung 5: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

Nội dung 6: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2018.

Nội dung 7: Thông qua tờ trình phân phối quỹ và chi trả cổ tức năm 2018 là 25% (kế hoạch 25%).

Nội dung 8: Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Nội dung 9: Thông qua tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Nội dung 10: Thông qua tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018.

Nội dung 11: Thông qua Chính sách cổ tức năm 2019.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, sau khi tính toán hiệu quả kế hoạch SX-KD năm 2018 và cân đối kế hoạch tài chính của Công Ty, HĐQT kính trình Quý cổ đông thông qua chính sách chia cổ tức năm tài chính năm 2019.

- Trả cổ tức bằng tiền mặt: 15%/mệnh giá cổ phần.

- Thực hiện: Giao cho Hội đồng quản trị quyết định thực hiện theo tình hình thực tế kết quả sản xuất kinh doanh và chi ứng cổ tức.

Nội dung 12: Thông qua thù lao, tiền thưởng hiệu quả hoạt động SXKD của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2019.

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua thù lao, tiền thưởng như sau :

- Thù lao Hội đồng Quản trị :

+ Chủ Tịch HĐQT	: 4.000.000đ / tháng
+ P. Chủ Tịch HĐQT	: 3.500.000đ / tháng
+ Thành viên HĐQT	: 3.000.000đ / tháng

- Thù lao Ban kiểm Soát

+ Trưởng Ban kiểm soát	: 3.000.000đ / tháng
+ Thành viên Ban kiểm soát	: 1.500.000đ / tháng

- Thù lao Người phụ trách QTCT : 1.500.000đ / tháng

- Thù lao Người CBTT : 2.000.000đ / tháng

Đây là khoản thù lao thực tế chi trả, thuế thu nhập cá nhân được trích trước mức này và do Công ty trực tiếp thanh toán với Cơ quan thuế. Thời gian áp dụng từ bắt đầu từ tháng 01/2019 cho đến khi Đại hội đồng cổ đông có Quyết định thay đổi.

Ngoài ra để động viên, khuyến khích HĐQT và BKS trong việc chỉ đạo SX-KD vượt mức kế hoạch đề ra. Đề nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông chi thêm 5%/lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch và trích từ lợi nhuận sau thuế.

Thực hiện : Giao cho Hội Đồng Quản Trị xác định mức thù lao, mức thưởng cho từng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét vấn đề nêu trên và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai cụ thể các vấn đề, chủ trương Đại hội đã thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trịnh Minh Trương

Số: /NQ - SDN/ĐHCĐ2019

Đồng Nai, ngày.... tháng 4 năm 2019

DƯ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CTY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015;

- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng Ký Kinh Doanh số: 3600451024 thay đổi lần thứ 8, ngày 30 tháng 08 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai.

- Căn cứ Điều lệ Công Ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai đã được sửa đổi, bổ sung ngày 16 tháng 08 năm 2018.

- Căn cứ nội dung Biên bản số:BBH-SDN/ĐHCĐ2019-Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên Công ty CP Sơn Đồng Nai năm 2019, vào lúc 08^h30 ngày/04/2019, tại Đường 7, KCN Biên Hòa I, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai. Với Cổ đông tham dự trên tổng số: Cổ đông của Công ty, đại diện cho: cổ phần, chiếm tỷ lệ: % trên tổng số: 1.518.218 cổ phần có quyền biểu quyết. Đại Hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua Nghị quyết của Đại hội với những nội dung như sau.

QUYẾT NGHỊ

ĐIỀU 1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua Kết quả SXKD năm 2018.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	KẾT QUẢ 2017	KẾT QUẢ 2018	TH/KH (%)	TH/N T (%)
1	Giá trị tổng sản lượng	Triệu	336.055	454.847	455.636	136	100
2	Doanh thu thuần	Triệu	142.000	153.036	154.188	109	101
3	Sản lượng	Tấn	15.460	17.393	16.791	109	97
4	Lợi nhuận (trước thuế)	Triệu	7.500	8.628	9.507	127	110
5	Nộp ngân sách (phải nộp)	Triệu	11.000	9.880	11.041	100	112
6	Thu nhập bq/người/tháng	Triệu	8,5	8,9	8,3		

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết

ĐIỀU 2. Đại hội đồng Cổ đông thông qua Kế hoạch SXKD năm 2019.

- Giá trị tổng sản lượng : 252.061 triệu đồng
- Doanh thu : 132.000 triệu đồng

- Nộp ngân sách : 9.000 triệu đồng
- Lợi nhuận (trước thuế) : 6.800 triệu đồng
- Tiền lương thu nhập b/q : 8,1 triệu đồng
- Cổ tức dự kiến chia : 15%/ giá trị mệnh giá cổ phiếu.
- Tổng sản lượng : 12.700 tấn

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết

ĐIỀU 3. Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo hoạt động của Hội Đồng quản trị năm 2018 và Phương hướng hoạt động năm 2019.

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết.

ĐIỀU 4. Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm các nội dung.

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết

ĐIỀU 5. Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá công tác Quản lý, điều hành của Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều hành năm 2018.

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết

ĐIỀU 6. Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc phân phối quỹ và chi trả cổ tức năm 2018.

Ti lệ chi trả cổ tức năm 2018 là 25%/mệnh giá cổ phiếu (Theo kế hoạch 25%).

TT	Nội dung	% TH	Số tiền (đ)
I	Vốn điều lệ		15.182.180.000
II	Kết quả kinh doanh năm 2018		
1	Doanh thu thuần		154.187.641.891
2	LN sau thuế TNDN		7.566.248.268
III	Tổng trích các quỹ		2.596.861.927
1	Quỹ đầu tư phát triển	15%	1.134.937.240
2	Quỹ khen thưởng	8%	605.299.861
3	Quỹ phúc lợi (Kế hoạch 5%)	5%	378.312.413
4	Quỹ xã hội-cộng đồng	2%	151.324.965
5	Thưởng Ban quản lý điều hành (Trong đó: 2% BDH, 1% Người lao động).	3%	226.987.448
6	Thưởng HĐQT & BKS (*) (Kế hoạch 5% LNTT vượt KH)	5%	100.000.000
IV	Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ		4.969.386.341

V	Lợi nhuận còn lại của năm 2017 chuyển sang		1.784.712.077
VI	Tổng lợi nhuận còn lại		6.754.098.418
VII	Cổ tức	25%	3.795.545.000
VIII	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2019		2.958.553.418

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết

ĐIỀU 7. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết

ĐIỀU 8. Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức, hoạt động Công ty.

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết

ĐIỀU 19. Đại hội đồng Cổ đông thông qua Tờ trình quyết toán thù lao, tiền thưởng của Hội Đồng quản trị và Ban kiểm soát về hiệu quả XSKD năm 2018.

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết

ĐIỀU 11. Đại hội đồng Cổ đông thông qua chính sách cổ tức năm 2019.

Trả cổ tức năm 2019: 15%/mệnh giá cổ phần. Đại hội đồng Cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định thực hiện.

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết

ĐIỀU 12. Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc trích lập các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, thưởng Ban Điều hành năm 2019 từ phần lợi nhuận sau thuế.

- Quỹ đầu tư phát triển : 15%
- Quỹ khen thưởng : 8%
- Quỹ phúc lợi : 5%
- Quỹ xã hội Cộng đồng : 2%
- Thưởng BGD điều hành: 3%.

(Trong đó: 2% BDH, 1% Người lao động).

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết

ĐIỀU 13. Đại hội đồng Cổ đông thông qua thù lao, tiền thưởng hiệu quả từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hội Đồng quản trị, Người phụ trách Quản Trị Công ty, Ban Kiểm soát, Người công bố thông tin năm 2019.

- Thù lao Hội đồng Quản trị :

- + Chủ Tịch HĐQT : 4.000.000đ / tháng
- + P. Chủ Tịch HĐQT : 3.500.000đ / tháng

- + Thành viên HĐQT : 3.000.000đ / tháng
- **Thù lao Ban kiểm Soát**
- + Trưởng Ban kiểm soát : 3.000.000đ / tháng
- + Thành viên Ban kiểm soát : 1.500.000đ / tháng
- **Thù lao Người phụ trách QTCT** : 1.500.000đ / tháng
- **Thù lao Người CBTT** : 2.000.000đ / tháng

Đây là khoản thù lao thực tế chi trả, thuế thu nhập cá nhân được trích trước mức này và do Công ty trực tiếp thanh toán với Cơ quan thuế. Thời gian áp dụng từ bắt đầu từ tháng 01/2019 cho đến khi Đại hội đồng cổ đông có Quyết định thay đổi.

Ngoài ra để động viên, khuyến khích HĐQT và BKS trong việc chỉ đạo SX-KD vượt mức kế hoạch đề ra. Đề nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông chi thêm 5%/lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch và trích từ lợi nhuận sau thuế.

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết.

ĐIỀU 15. Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2015-2019).

1/- Miễn nhiệm tư cách thành viên Ban Kiểm soát đối với bà Huỳnh Thị Thanh Hương, do có đơn xin từ nhiệm.

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết

2/- Đại hội đã giới thiệu và bầu Ông/bà.....giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Sơn Đồng Nai nhiệm kỳ IV (2015-2019).

- Kết quả bầu cử đạt :% tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 16: Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết và ủy quyền cho Hội Đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Tỷ lệ biểu quyết tán thành :% tổng số phiếu biểu quyết

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

Trịnh Minh Trương